

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN  
LÝ THUYẾT SẢN XUẤT THUỐC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 ngày 29 tháng 6 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun: Sản xuất thuốc
- \* Tiếng Việt: Sản xuất thuốc
- \* Tiếng Anh: Pharmaceutical production
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5129
- Số tín chỉ: 3 (LT/TH:3/0)
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<b>Bắt buộc</b> <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bào chế 1, Bào chế 2, Dược liệu, Dược cổ truyền, Hóa dược

- Số tiết đối với các hoạt động học tập phần lý thuyết: 45 tiết

- + Lý thuyết: 45 tiết
- + Bài tập: 0 tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
- + Kiểm tra: 0 tiết
- + Thời gian tự học: 10 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Bào chế-Công nghiệp dược

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Ngoan	0986755129	<a href="mailto:Ngoan83@gmail.com">Ngoan83@gmail.com</a>
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	0936249215	<a href="mailto:Nguyenthungath1@gmail.com">Nguyenthungath1@gmail.com</a>
3	ThS. Đào Văn Lưu	0986964323	<a href="mailto:dsdaovanluu@gmail.com">dsdaovanluu@gmail.com</a>

### 3. Mục tiêu của phân lý thuyết (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Kiến thức</b>			
MT1	Trình bày và giải thích được một số kỹ thuật liên quan đến bào chế và sản xuất thuốc Trình bày được kỹ thuật sản xuất nguyên liệu và các dạng thuốc thành phẩm ở quy mô công nghiệp Trình bày được nguyên tắc thực hành tốt sản xuất thuốc và những nguyên tắc cơ bản được ứng dụng trong sản xuất dược phẩm	[CDR1] [CDR2] [CDR4] [CDR5] [CDR11]	Thang Bloom 2001-3
<b>Kỹ năng</b>			
MT2	Có kỹ năng phân tích các tình huống cơ bản trong sản xuất thuốc ở quy mô công nghiệp. Có kỹ năng viết các quy trình sản xuất các dạng thuốc áp dụng trong quy mô công nghiệp.	[CDR4] [CDR5]	Thang Dave 1975-3
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT3	Có khả năng làm việc nhóm Có năng lực giám sát hoạt động chuyên môn	[CDR11]	Thang Krathwohl 1973-3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của phần lý thuyết (ký hiệu: CDR)

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc có nguồn gốc hóa dược.
CLO2	Trình bày được kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc có nguồn gốc dược liệu
CLO3	Trình bày được kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc có nguồn vi sinh
CLO4	Trình bày và thực hiện được quy trình sản xuất các dạng bào chế thường dùng.
CLO5	Trình bày và áp dụng được các tiêu chuẩn trong thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP)

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của phần lý thuyết

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung của phần lý thuyết	Chuẩn đầu ra của phần lý thuyết				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
<b>Chương 1.</b> Kỹ thuật tổng hợp Hóa dược	3			2	2
<b>Chương 2.</b> Kỹ thuật chiết xuất dược liệu		3		2	2
<b>Chương 3.</b> Kỹ thuật vi sinh-kháng sinh			3	2	2
<b>Chương 4.</b> Công nghệ sản xuất các dạng thuốc				3	3

#### 6. Mô tả phần lý thuyết (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Sản xuất thuốc dùng đào tạo cho đối tượng dược sỹ đại học bao gồm các nội dung cơ bản về những yêu cầu kỹ thuật công nghệ để bào chế ra một chế phẩm thuốc trên quy mô công nghiệp. Người học sẽ được cung cấp những kiến thức về các quá trình công nghệ cơ bản và thiết bị trong bào chế công nghiệp như: Kỹ thuật sản xuất thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa dược và chiết xuất dược liệu, kỹ thuật sản xuất

thuốc bằng phương pháp sinh tổng hợp, công nghệ sản xuất một số dạng thuốc điển hình. Học phần gồm 3 chương, mỗi chương được trình bày nổi bật các nội dung: mục tiêu, nội dung chuyên môn, đảm bảo 4 yêu cầu cơ bản về kiến thức, tính chính xác và khoa học, cập nhật tiến bộ khoa học và vận dụng thực tiễn.

Học phần này làm nổi bật các [CDR1], [CDR2], [CDR4], [CDR5], [CDR11], trong CDR của CTĐT.

### 7. Nội dung chi tiết phân lý thuyết

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/T L/KT	Tổng cộng		
<b>Chương 1.</b> Kỹ thuật tổng hợp Hóa dược	12				1	Đọc LT và làm bài tập theo tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [1],[2]
<b>Chương 2.</b> Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	12				1	
<b>Chương 3.</b> Kỹ thuật vi sinh-kháng sinh	12				1	
<b>Chương 4.</b> Công nghệ sản xuất các dạng thuốc	9				1	
<b>Tổng</b>	<b>45</b>					

### 8. Tài liệu học tập

#### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

- 1.Trường Đại học Dược Hà Nội, Bộ môn Công nghiệp dược, *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm –Tập 1*, năm 2007, Nhà xuất bản Y học
- 2.Trường Đại học Dược Hà Nội, Bộ môn Công nghiệp dược, *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm –Tập 2*, năm 2007, Nhà xuất bản Y học
- 3.Trường Đại học Dược Hà Nội, Bộ môn Công nghiệp dược, *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm –Tập 3*, năm 2007, Nhà xuất bản Y học

#### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học

### 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung chính	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1/1	<b>Chương 1.</b> Kỹ thuật tổng hợp Hóa dược	4					1
1/2	<b>Chương 1.</b> Kỹ thuật tổng hợp Hóa dược	4					1
2/1	<b>Chương 1.</b> Kỹ thuật tổng hợp Hóa dược	4					
2/2	<b>Chương 2.</b> Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	4					1
3/1	<b>Chương 2.</b> Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	4					1
3/2	<b>Chương 2.</b> Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	4					
4/1	<b>Chương 3.</b> Kỹ thuật vi sinh- kháng sinh	4					1
4/2	<b>Chương 3.</b> Kỹ thuật vi sinh- kháng sinh	4					1
5/1	<b>Chương 3.</b> Kỹ thuật vi sinh- kháng sinh	4					1
5/2	<b>Chương 4.</b> Công nghệ sản xuất các dạng thuốc	4					1
6/1	<b>Chương 4.</b> Công nghệ sản xuất các dạng thuốc	4					0
6/2	<b>Chương 4.</b> Công nghệ sản xuất các dạng thuốc	1					
<b>Tổng</b>		<b>45</b>					

#### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho phần lý thuyết

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm       Đóng vai       Học dựa vào dự án       Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống       Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức và kỹ năng từ [CLO1] đến [CLO4], mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm từ [CLO5] đến [CLO6]

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO5] đến [CLO6].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các [CLO5], [CLO6]

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với phân lý thuyết**

*11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy:*

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

*11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự tối thiểu 80% các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm  
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt tối thiểu 80 %. Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá phân lý thuyết

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, .....			
	Thực hành			
2	<b>Điểm thi kết thúc phân lý thuyết</b>			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		Từ CLO1 đến CLO6

### 12.3. Điểm học phần

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm LT x 2 + Điểm TH x 1)/3

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Ngọc Anh*  
*Nguyễn Văn Tuấn*

*Anna*

**Bùi Thị Ngoan**

**GIÁM ĐỐC**  
**Đậu Xuân Cảnh**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**THỰC HÀNH TỐT NHÀ THUỐC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: Thực hành tốt nhà thuốc
- \* Tiếng Anh: Good pharmacy practice
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5130
- Số tín chỉ: 1 (1LT/0,0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): năm
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	



- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
  - + Lý thuyết: 15 tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
  - + Bài tập:..... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  - + Kiểm tra: 0 tiết



2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	công việc		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b>	
Hiểu biết các nhiệm vụ của dược sĩ trong hoạt động của nhà thuốc đạt GPP và mô hình, hoạt động của nhà thuốc GPP	<p><b>CLO1:</b> Giải thích được quy trình ban hành văn bản pháp luật; cấu trúc, nội dung và bản chất của Luật Dược, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật khám chữa bệnh và các nghị định liên quan tới lĩnh vực dược.</p> <p><b>CLO 2:</b> Phân tích được cấu tạo, nội dung của các thông tư để tích hợp thành các nhóm thông tư trong lĩnh vực dược: hành nghề dược, đăng ký thuốc, Phân loại và danh pháp thuốc, danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, thông tin thuốc, GPs, dược lâm sàng, quản lý chất lượng thuốc, xuất nhập khẩu thuốc, kinh doanh dược và quy định về thanh tra dược</p> <p><b>CLO3:</b> Vận dụng được Luật Dược, nghị định, thông tư liên quan tới quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược để triển khai một số công việc chuyên môn nghiệp vụ.</p>
<b>Kỹ năng</b>	
<p><b>MT2:</b> - Kỹ năng thảo luận nhóm.</p> <p>- Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản</p>	<p><b>CLO 4:</b> Vận dụng các hiểu biết về văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới lĩnh vực dược, thể hiện kỹ năng chuẩn bị các bản báo cáo khoa học, cách thức trình bày, báo cáo, thảo luận, phản biện để hiểu và truyền cảm và</p>

đặc điểm, phương pháp, nguyên tắc) 2.2. Một số hệ thống quản lý chất lượng Hệ thống GPs trong ngành y tế 2.3. Các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ dược  <b>KẾT LUẬN</b>					
<b>Bài 2: LẮNG NGHE NGƯỜI BỆNH VÀ HIỂU BIẾT NGƯỜI BỆNH</b>  <b>MỞ ĐẦU</b>  <b>1. Lắng nghe và đồng cảm với người bệnh</b> 1.1. Lắng nghe 1.1.1. Kỹ năng tóm tắt lại 1.1.2. Kỹ năng diễn giải lại 1.2. Đáp lại đồng cảm 1.2.1. Khái niệm về sự đồng cảm 1.2.2. Cơ sở lý thuyết 1.2.3. Sự đồng cảm và giao tiếp hiệu quả 1.2.4. Phản ứng đánh giá 1.2.5. Phản ứng khuyến bảo 1.2.6. các phản ứng: An tâm, phân tán, điều tra, thấu hiểu, chung chung 1.3. Thái độ thể hiện sự đồng cảm 1.4. Những khía cạnh của lắng nghe im lặng 1.5. Những vấn đề trong thiết lập quan hệ trợ giúp  <b>2. Làm thế nào để hiểu biết người bệnh tốt hơn</b> 2.1. Sự miễn cưỡng của dược sĩ khi tìm hiểu người bệnh 2.2. Những giả định sai lầm về việc hiểu biết người bệnh 2.3. Các kỹ thuật tiếp cận sự hiểu biết người bệnh 2.4. Các kỹ thuật để đánh giá sự hiểu biết người bệnh	2		2	2	1

KẾT LUẬN					
<b>CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ BÁN HÀNG VÀ THÔNG TIN THUỐC TẠI NHÀ THUỐC MỞ ĐẦU</b> <b>1. Quản trị cấp phát thuốc</b> 1.1. môi trường cấp phát thuốc (bán hàng) 1.2. Xử lý đơn thuốc 1.3. Quy trình bán một đơn thuốc 1.4. Các khía cạnh khác của cấp phát thuốc <b>2. Thông tin thuốc tại nhà thuốc.</b> 2.1. Cung cấp thông tin và tư vấn cho người bệnh 2.2. Khu vực tư vấn người bệnh 2.3. Thông tin dạng viết 2.4. Dược sĩ và thuốc OTC 2.5. Hướng dẫn sử dụng một số dạng bào chế 2.6. Đảm bảo chất lượng thông tin tại nhà thuốc 2.7. Vai trò của dược sĩ trong đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn KẾT LUẬN					
		2	2	2	1

**6. Mô tả học phần/ mô đun** (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Pháp chế dược là học phần chuyên ngành dược về lĩnh vực quản trị trong lĩnh vực dược: Tổ chức quản lý, sản xuất, kinh doanh, cung ứng, phát triển và đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc... Đây là học phần tạo tư duy và hành lang pháp lý để giúp người học sau khi ra trường hành nghề dược theo đúng quy định của pháp luật.

- Pháp chế dược là học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo ngành dược học

- Nội dung chính yếu: + Luật Dược và Nghị định hướng dẫn luật Dược, nghị định khác về lĩnh vực dược như tổ chức thực hành tại các cơ sở khám chữa bệnh

<p><b>1. Lắng nghe và đồng cảm với người bệnh</b></p> <p>1.1. Lắng nghe</p> <p>1.1.1. Kỹ năng tóm tắt lại</p> <p>1.1.2. Kỹ năng diễn giải lại</p> <p>1.2. Đáp lại đồng cảm</p> <p>1.2.1. Khái niệm về sự đồng cảm</p> <p>1.2.2. Cơ sở lý thuyết</p> <p>1.2.3. Sự đồng cảm và giao tiếp hiệu quả</p> <p>1.2.4. Phản ứng đánh giá</p> <p>1.2.5. Phản ứng khuyến bảo</p> <p>1.2.6. các phản ứng: An tâm, phân tán, điều tra, thấu hiểu, chung chung</p> <p>1.3. Thái độ thể hiện sự đồng cảm</p> <p>1.4. Những khía cạnh của lắng nghe im lặng</p> <p>1.5. Những vấn đề trong thiết lập quan hệ trợ giúp</p> <p><b>2. Làm thế nào để hiểu biết người bệnh tốt hơn</b></p> <p>2.1. Sự miễn cưỡng của dược sĩ khi tìm hiểu người bệnh</p> <p>2.2. Những giả định sai lầm về việc hiểu biết người bệnh</p> <p>2.3. Các kỹ thuật tiếp cận sự hiểu biết người bệnh</p> <p>2.4. Các kỹ thuật để đánh giá sự hiểu biết người bệnh</p> <p>5. Thay đổi hành vi sau khi thay đổi sự hiểu biết</p> <p><b>KẾT LUẬN</b></p>					<p>theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>
<p><b>BÀI 3: GIAO TIẾP CÁC TÌNH HUỐNG ĐẶC BIỆT VÀ HIỆU QUẢ MUA HÀNG, BẢO QUẢN, TỒN TRỮ</b></p> <p><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p><b>1. Giao tiếp các đối tượng đặc biệt</b></p> <p>1.1. Người cao tuổi (khả năng tiếp thu, thị lực, thính giác, tâm lý và khác biệt nhân thức giá trị)</p> <p>1.2. Người thiếu năng ngôn ngữ</p> <p>1.3. Người bệnh ở giai đoạn cuối cuộc đời</p>	4			4	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng</p>

2.4. Dược sĩ và thuốc OTC						
2.5. Hướng dẫn sử dụng một số dạng bào chế						
2.6. Đảm bảo chất lượng thông tin tại nhà thuốc						
2.7. Vai trò của dược sĩ trong đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn						
<b>KẾT LUẬN</b>						

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

**Bộ Y tế (2011).** *Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt nhà thuốc*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2011

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1]. Trường Đại học Dược Hà Nội (2020), *Dược cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học
- [2]. Luật Dược 2005, Luật Dược 2016, Luật quảng cáo; Nghị định 54/2017/NĐ- CP, Nghị định 131/2020/NĐ-CP, Nghị định 15/2017/NĐ- CP
- [3] Các thông tư do Bộ Y tế ban hành về Thuốc – Mỹ phẩm – Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: về Tổ chức khoa dược bệnh viện, GPs, GACP, Các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, danh mục thuốc độc, thuốc kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt, thuốc không kê đơn...
- [4]. Bộ Y tế. *Chăm sóc dược*, Nhà xuất bản Y học năm 2016
- [5] Trường đại học Y Hà Nội. *Giáo trình kỹ năng y khoa*, Nhà xuất bản năm 2019

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	<b>Bài 1: TỔNG QUAN KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ THỰC HÀNH TẠI NHÀ THUỐC</b> <b>MỞ ĐẦU</b> <b>1. Dược sĩ và kỹ năng giao tiếp trong hành nghề</b> 1.1. Nhiệm vụ của dược sĩ trong chăm sóc người bệnh 1.2. Tầm quan trọng của giao tiếp trong chăm sóc người bệnh 1.3. Kiểm soát thuốc theo sự tiến triển của người bệnh	4					4

	<p><b>2. Làm thế nào để hiểu biết người bệnh tốt hơn</b></p> <p>2.1. Sự miễn cưỡng của dược sĩ khi tìm hiểu người bệnh</p> <p>2.2. Những giả định sai lầm về việc hiểu biết người bệnh</p> <p>2.3. Các kỹ thuật tiếp cận sự hiểu biết người bệnh</p> <p>2.4. Các kỹ thuật để đánh giá sự hiểu biết người bệnh</p> <p>5. Thay đổi hành vi sau khi thay đổi sự hiểu biết</p> <p><b>KẾT LUẬN</b></p>					
3	<p><b>BÀI 3: GIAO TIẾP CÁC TÌNH HUỐNG ĐẶC BIỆT VÀ HIỆU QUẢ MUA HÀNG, BẢO QUẢN, TỒN TRỮ</b></p> <p><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p><b>1. Giao tiếp các đối tượng đặc biệt</b></p> <p>1.1. Người cao tuổi (khả năng tiếp thu, thị lực, thính giác, tâm lý và khác biệt nhân thức giá trị)</p> <p>1.2. Người thiếu năng ngôn ngữ</p> <p>1.3. Người bệnh ở giai đoạn cuối cuộc đời</p> <p>1.4. Người bệnh mắc AIDS</p> <p>1.5. Người bệnh có vấn đề về tâm thần</p> <p>1.6. Người bệnh vị thành niên</p> <p>1.7. Người chăm sóc người bệnh</p> <p><b>2. Quản trị mua hàng, bảo quản, tồn trữ</b></p> <p>2.1. <i>Quản trị mua hàng</i></p> <p>2.1.1. Chu kỳ mua hàng</p> <p>2.1.2. Danh mục sản phẩm</p> <p>2.1.3. Danh mục đặt hàng</p> <p>2.1.4. Phát ra đơn hàng</p> <p>2.1.5. Kiểm tra hàng</p> <p>2.2. <i>Quản trị bảo quản</i></p>	4				4

Thuyết trình       Động não       Từng cặp /Chia sẻ       Học dựa trên vấn đề   
Hoạt động nhóm       Đóng vai       Học dựa vào dự án       Mô phỏng   
Nghiên cứu tình huống       Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO4] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

### *11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:*

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

### *11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm



✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**GIÁM ĐỐC**  
**Đậu Xuân Cảnh**

*Nguyễn Văn Cảnh*  
*Nguyễn Văn Cảnh*

*Nguyễn Văn Cảnh*  
*Nguyễn Văn Cảnh*



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Ngành Dược trình độ đại học; Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần**

- Tên học phần/ mô đun: Sử dụng thuốc trong điều trị 1
- \* Tiếng Việt: Sử dụng thuốc trong điều trị 1
- \* Tiếng Anh: Pharmacotherapy 1
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5131
- Số tín chỉ: LT: 2; TH: 1
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ năm
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Dược lâm sàng 2
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
  - + Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết
  - + Bài tập:
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm:
  - + Kiểm tra:
  - + Thời gian tự học:
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược lâm sàng

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	duythuc07@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Hào	0988264429	haohaobn@gmail.com

## 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
MT1	Hiểu biết được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh như đường hô hấp (Viêm phổi, Hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính), bệnh máu và cơ quan tạo máu (Bệnh huyết khối), bệnh nội tiết (Đái tháo đường, Rối loạn chức năng tuyến giáp) và bệnh thận – tiết niệu (Nhiễm khuẩn tiết niệu).	[2] [3] [6] [7] [9]	3
MT2	Phân tích được các phác đồ hóa trị liệu một số bệnh đường hô hấp, bệnh máu và các cơ quan tạo máu, bệnh nội tiết, bệnh thận – tiết niệu.	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT3	Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý để điều trị các bệnh đường hô hấp, bệnh máu và các cơ quan tạo máu, bệnh nội tiết, bệnh thận – tiết niệu.	[10] [11]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của

CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<b>Kiến thức</b>	
<b>MT1:</b> Hiểu biết được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh như đường hô hấp (Viêm phổi, Hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính), bệnh máu và cơ quan tạo máu (Bệnh huyết khối), bệnh nội tiết (Đái tháo đường, Rối loạn chức năng tuyến giáp) và bệnh thận – tiết niệu (Nhiễm khuẩn tiết niệu).	<b>CDR1:</b> Hiểu biết được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh trên bệnh nhân như: đường hô hấp (Viêm phổi, Hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính), bệnh máu và cơ quan tạo máu (Bệnh huyết khối), bệnh nội tiết (Đái tháo đường, Rối loạn chức năng tuyến giáp) và bệnh thận – tiết niệu (Nhiễm khuẩn tiết niệu).
<b>Kỹ năng</b>	
<b>MT2:</b> Phân tích được về thuốc trong các phác đồ hóa trị liệu một số bệnh đường hô hấp, bệnh máu và các cơ quan tạo máu, bệnh nội tiết, bệnh thận – tiết niệu.	<b>CDR2:</b> Phân tích thuốc trong các phác đồ hóa trị liệu một số bệnh đường hô hấp, bệnh máu và các cơ quan tạo máu, bệnh nội tiết, bệnh thận – tiết niệu, tư vấn cho cán bộ y tế về thuốc, hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc phục vụ cho công tác điều trị và sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>MT3:</b> Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý để điều trị các bệnh đường hô hấp, bệnh máu và các cơ quan tạo máu, bệnh nội tiết, bệnh thận – tiết niệu.	<b>CDR3:</b> Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp. Nhận thức đúng về vai trò người dược sĩ. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR1	CDR2	CDR3
Phần 1. Điều trị nội khoa bệnh đường hô hấp (Các bệnh ở Tai – Mũi- Họng, Viêm phổi, Hen và Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính)	3	2	3
Phần 2. Điều trị nội khoa bệnh máu và cơ quan tạo máu (Huyết khối)	3	2	3
Phần 3. Điều trị nội khoa bệnh nội tiết (Đái tháo đường, Rối loạn chức năng tuyến giáp)	3	2	3
Phần 4. Điều trị nội khoa bệnh thận – tiết niệu (Nhiễm khuẩn tiết niệu)	3	2	3

**6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Học phần này đề cập đến các kiến thức sử dụng thuốc trong điều trị, được trình bày trên một bệnh cụ thể nhằm giúp sinh viên thực hành chăm sóc được theo mục tiêu và nguyên tắc điều trị đã đặt ra cho mỗi bệnh, giúp cho các bác sĩ và dược sĩ trong sử dụng thuốc. Các bệnh cụ thể:

- Bệnh đường hô hấp (Viêm phổi, Hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính).
- Bệnh máu và cơ quan tạo máu (Huyết khối)
- Bệnh nội tiết (Đái tháo đường, Rối loạn chức năng tuyến giáp).
- Bệnh thận – tiết niệu (Nhiễm khuẩn tiết niệu).

**7. Nội dung chi tiết học phần**

Chương (Phần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)				
		LT	TH	BT TL KT	Tổng cộng	
Phần 1. Sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh ở Tai – Mũi- Họng,	<b>BỆNH TAI – MŨI – HỌNG</b> 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ BỆNH TAI – MŨI – HỌNG (TMH) 1.1. Đặc điểm bệnh TMH 1.1.1. TMH là các hốc thông	08			08	Nghe, ghi chép, trao đổi,

<p>Viêm phổi, Hen và Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.</p>	<p>với nhau và thông với bên ngoài.</p> <p>1.1.2. Lót bằng niêm mạc đường hô hấp trên.</p> <p>1.1.3. Giữ các chức năng quan trọng thở - ăn - nghe - nói - thăng bằng - giữ - vị giác.</p> <p>1.1.4. Giữ vai trò quan trọng trong hệ thống miễn dịch của cơ thể.</p> <p>1.1.5. Có hệ mạch - thần kinh rất phong phú.</p> <p>1.1.6. Là cửa ngõ của đường thở, đường ăn.</p> <p><b>2. CÁC BỆNH TMH THƯỜNG GẶP</b></p> <p>2.1. Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên</p> <p>2.1.1. Viêm amidan</p> <p>2.1.2. V.A</p> <p>2.1.3. Viêm mũi xoang</p> <p>2.1.4. Viêm thanh quản cấp tính</p> <p>2.1.5. Chảy máu tai</p> <p>2.2. Dị ứng - miễn dịch</p> <p>2.2.1. Dị ứng mũi xoang</p> <p>2.2.2. Viêm mũi họng cấp tính ở trẻ nhỏ</p> <p><b>3. THUỐC DÙNG TRONG TMH</b></p> <p>3.1. Nguyên tắc sử dụng thuốc</p> <p>3.1.1. Các tai biến phản ứng toàn thân</p> <p>3.1.2. Các tai biến, phản ứng phụ</p>							<p>trả lời, đọc tài liệu.</p>
--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------------------

	<p>3.1.3. Gây tổn thương chức năng TMH</p> <p>3.1.4. Gây tổn hại niêm mạc</p> <p>3.1.5. Gây ảnh hưởng đến hệ thống miễn dịch</p> <p>3.1.6. Gây kích thích, phản ứng tại chỗ</p> <p>3.2. Thuốc thường dùng tại chỗ và các phương pháp đưa thuốc tại chỗ</p> <p>3.2.1. Rỏ mũi</p> <p>3.2.2. Rỏ tai</p> <p>3.2.3. Phun thuốc tai</p> <p>3.2.4. Súc họng</p> <p>3.2.5. Xịt mũi họng</p> <p>3.2.6. Xông họng – mũi</p> <p>3.2.7. Khí dung (aerosol)</p> <p style="text-align: center;"><b>VIÊM PHỔI</b></p> <p style="text-align: center;"><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p>1. VIÊM PHỔI MẮC PHẢI TẠI CỘNG ĐỒNG</p> <p>1.1. Nguyên nhân gây viêm phổi mắc phải tại cộng đồng và các yếu tố thuận lợi.</p> <p>1.2. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>1.3. Chẩn đoán</p> <p>1.4. Điều trị viêm phổi mắc phải tại cộng đồng</p> <p>1.4.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>1.4.2. Các nguyên tắc điều trị</p> <p>1.4.3. Điều trị viêm phổi mắc phải tại cộng đồng ở người lớn</p> <p>1.4.3.1. Điều trị theo kinh nghiệm</p> <p>1.4.3.2. Lựa chọn kháng sinh khi đã xác định được căn</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--



	<p><i>nguyên gây bệnh</i></p> <p><i>1.4.4. Điều trị viêm phổi mắc phải tại cộng đồng ở trẻ em</i></p> <p><i>1.4.4.1. Lựa chọn kháng sinh ban đầu theo kinh nghiệm</i></p> <p><i>1.4.4.2. Lựa chọn kháng sinh khi đã xác định chính xác được nguyên nhân gây bệnh</i></p> <p><b>2. VIÊM PHỔI MẮC PHẢI TẠI BỆNH VIỆN</b></p> <p>2.1. Nguyên nhân gây bệnh và các yếu tố nguy cơ trong viêm phổi mắc phải tại bệnh viện.</p> <p>2.2. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>2.3. Chẩn đoán</p> <p>2.4. Điều trị viêm phổi mắc phải tại bệnh viện.</p> <p><i>2.4.1. Lựa chọn kháng sinh ban đầu theo kinh nghiệm</i></p> <p><i>2.4.2. Lựa chọn kháng sinh trên vi khuẩn gây bệnh cụ thể</i></p> <p><i>2.4.3. Phòng bệnh</i></p> <p><b>TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</b></p> <p>Ca lâm sàng 1</p> <p>Ca lâm sàng 2</p> <p><b>HEN VÀ BỆNH PHỔI TẮC NGHỀN MẠN TÍNH</b></p> <p><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p><b>1. HEN PHẾ QUẢN</b></p> <p>1.1. Vài nét về bệnh hen phế quản</p> <p><i>1.1.1. Định nghĩa</i></p> <p><i>1.1.2. Cơ chế bệnh sinh và nguyên nhân gây bệnh</i></p> <p><i>1.1.3. Chẩn đoán hen</i></p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

	<p>1.1.4. Phân loại theo mức độ bệnh hen</p> <p>1.2. Điều trị</p> <p>1.2.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>1.2.2. Các thuốc thường dùng</p> <p>1.2.2.1. Thuốc cắt cơn</p> <p>1.2.2.2. Thuốc dự phòng</p> <p>1.3. Giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân hen suyễn</p> <p>1.4. Kiểm soát hen ở một số đối tượng bệnh nhân đặc biệt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ có thai</li> <li>- Bệnh nhân phải phẫu thuật</li> <li>- Viêm mũi, viêm xoang và polyp mũi</li> <li>- Nhiễm trùng hô hấp</li> <li>- Hôi lưu dạ dày thực quản</li> </ul> <p>2. BỆNH PHỔI TẮC NGHẼN MẠN TÍNH (COPD)</p> <p>2.1. Vài nét về bệnh COPD</p> <p>2.1.1. Định nghĩa</p> <p>2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh và cơ chế bệnh sinh</p> <p>2.1.3. Triệu chứng</p> <p>2.1.4. Phân loại mức độ nặng của COPD</p> <p>2.1.5. Tiến triển và tiên lượng</p> <p>2.2. Điều trị</p> <p>2.2.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>2.2.2. Sử dụng thuốc trong điều trị COPD</p> <p>2.2.2.1. Thuốc giãn phế quản</p> <p>2.2.2.2. Corticosteroid</p> <p>2.2.2.3. Thuốc kháng sinh</p> <p>2.3. Những vấn đề cần lưu ý trong chăm sóc dược cho</p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

	bệnh nhân hen và COPD <b>KẾT LUẬN</b>					
Phần 2. Điều trị bệnh máu và cơ quan tạo máu.	<p align="center"><b>HUYẾT KHỐI</b></p> <p align="center"><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p><b>1. THUYỀN TẮC HUYẾT KHỐI TĨNH MẠCH</b></p> <p>1.1. Nguyên nhân</p> <p><i>1.1.1. Dịch tế học</i></p> <p><i>1.1.2. Nguyên nhân gây bệnh</i></p> <p>1.2. Biểu hiện trên lâm sàng</p> <p><i>1.2.1. Huyết khối tĩnh mạch sâu</i></p> <p><i>1.2.2. Thuyên tắc phổi</i></p> <p>1.3. Chẩn đoán</p> <p><i>1.3.1. Huyết khối tĩnh mạch sâu</i></p> <p><i>1.3.1.1. Khám lâm sàng</i></p> <p><i>1.3.1.2. Chụp tĩnh mạch</i></p> <p><i>1.3.1.3. Siêu âm Doppler mạch máu</i></p> <p><i>1.3.1.4. Xét nghiệm D-dimer</i></p> <p><i>1.3.2. Thuyên tắc phổi</i></p> <p><i>1.3.2.1. Dựa trên dấu hiệu lâm sàng</i></p> <p><i>1.3.2.2. Chụp động mạch phổi</i></p> <p><i>1.3.2.3. Quét thông khí tưới máu</i></p> <p><i>1.3.2.4. Chụp CT cắt lớp</i></p> <p>1.4. Các thuốc sử dụng điều trị</p> <p><i>1.4.1. Chu trình đông máu và mục tiêu tác động của các thuốc</i></p> <p><i>1.4.2. Các thuốc sử dụng trong điều trị</i></p> <p><i>1.4.2.1. Thuốc chống đông</i></p>	08		08		Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.

<p>1.4.2.2. <i>Chất ức chế trực tiếp thrombin đường tiêm</i></p> <p>1.4.2.3. <i>Heparinoid</i></p> <p>1.4.2.4. <i>Thuốc chống đông đường uống</i></p> <p>1.4.2.5. <i>Thuốc tan huyết khối (Thuốc ly giải fibrin)</i></p> <p>1.4.3. <i>Điều trị bằng thuốc</i></p> <p>1.4.3.1. <i>Thuốc chống đông</i></p> <p>1.4.3.2. <i>Thuốc kháng vitamin K</i></p> <p>1.4.4. <i>Phẫu thuật lấy huyết khối</i></p> <p>1.4.5. <i>Cắt bỏ tĩnh mạch bị huyết khối</i></p> <p>1.4.6. <i>Biện pháp không đặc hiệu</i></p> <p>1.5. <i>Khuyến cáo dành cho bệnh nhân</i></p> <p>1.5.1. <i>Tư vấn khi sử dụng thuốc</i></p> <p>1.5.2. <i>Tư vấn phòng bệnh tái phát</i></p> <p><b>2. THUYÊN TẮC HUYẾT KHỐI ĐỘNG MẠCH</b></p> <p>2.1. <i>Nguyên nhân</i></p> <p>2.2. <i>Biểu hiện trên lâm sàng</i></p> <p>2.2.1. <i>Nhồi máu cơ tim cấp</i></p> <p>2.2.2. <i>Thiếu máu cục bộ não (đột quỵ)</i></p> <p>2.3. <i>Chẩn đoán</i></p> <p>2.3.1. <i>Nhồi máu cơ tim cấp</i></p> <p>2.3.1.1. <i>Điện tâm đồ</i></p> <p>2.3.1.2. <i>Xét nghiệm men tim</i></p> <p>2.3.2. <i>Thiếu máu cục bộ não</i></p> <p>2.4. <i>Điều trị và phòng ngừa</i></p> <p>2.4.1. <i>Các thuốc thường sử</i></p>						
--	--	--	--	--	--	--

	<p>dụng</p> <p>2.4.1.1. Aspirin</p> <p>2.4.1.2. Clopidogrel</p> <p>2.4.1.3. Prasugrel</p> <p>2.4.1.4. Dipyridaol</p> <p>2.4.1.5. Các chất ức chế glycoprotein IIb/IIIa</p> <p>2.4.2. Điều trị</p> <p>2.4.2.1. Nhồi máu cơ tim cấp tính</p> <p>Thuốc tan huyết</p> <p>Heparin chưa phân đoạn</p> <p>Heparin trọng lượng phân tử thấp</p> <p>Aspirin</p> <p>Clopidogrel</p> <p>2.4.2.2. Đột quỵ cấp</p> <p>Thuốc tan huyết khối</p> <p>Thuốc chống đông</p> <p>Thuốc chống kết tập tiểu cầu</p> <p>2.5. Khuyến cáo dành cho bệnh nhân</p> <p>2.5.1. Tư vấn khi sử dụng thuốc</p> <p>2.5.2. Tư vấn phòng bệnh tái phát</p>						
Phân 3. Điều trị bệnh nội tiết.	<p><b>ĐÁI THÁO ĐƯỜNG</b></p> <p><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p>1. VÀI NÉT VỀ BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG</p> <p>1.1. Phân loại ĐTD</p> <p>1.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán ĐTD</p> <p>1.3. Triệu chứng</p> <p>1.3.1. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>1.3.2. Xét nghiệm cận lâm</p>	08			08		Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.

<p><i>sàng</i></p> <p>1.4. Biến chứng</p> <p><i>1.4.1. Biến chứng cấp tính</i></p> <p><i>1.4.2. Biến chứng mạn tính</i></p> <p><i>1.4.2.1. Biến chứng mạch máu lớn</i></p> <p><i>1.4.2.2. Biến chứng mạch máu nhỏ</i></p> <p>2. ĐIỀU TRỊ</p> <p>2.1. Chiến lược điều trị</p> <p>2.2. Mục tiêu điều trị ĐTD</p> <p><i>2.2.1. Kiểm soát đường huyết</i></p> <p><i>2.2.2. Kiểm soát huyết áp</i></p> <p><i>2.2.3. Điều trị béo phì</i></p> <p>3. ĐIỀU TRỊ KHÔNG DÙNG THUỐC</p> <p>3.1. Chế độ dinh dưỡng</p> <p>3.2. Chế độ tập luyện</p> <p>3.3. Giáo dục bệnh nhân</p> <p>4. THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG</p> <p>4.1. Insulin</p> <p><i>4.1.1. Cấu trúc phân tử</i></p> <p><i>4.1.2. Đường dùng</i></p> <p><i>4.1.3. Bảo quản insulin</i></p> <p><i>4.1.4. Tác dụng không mong muốn (ADR)</i></p> <p><i>4.1.5. Vấn đề kháng thể insulin</i></p> <p>4.2. Các thuốc chống đái tháo đường dạng uống</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biguanid</li> <li>- Sulfonylurea</li> <li>- Meglitinid</li> <li>- Thiazolindinedion</li> <li>- Acarbose</li> </ul> <p>KẾT LUẬN</p>						
--	--	--	--	--	--	--

	<p style="text-align: center;"><b>TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</b></p> <p style="text-align: center;"><b>RỐI LOẠN CHỨC NĂNG TUYẾN GIÁP</b></p> <p><b>1. VAI NÉT VỀ TUYẾN GIÁP</b></p> <p>1.1. Hoạt động sản xuất và bài tiết hormone</p> <p>1.2. Vai trò của tuyến giáp</p> <p><b>2. CÁC BỆNH DO NHƯỢC NĂNG TUYẾN GIÁP (Hypothyroidism)</b></p> <p>2.1. Định nghĩa</p> <p>2.2. Bệnh sinh và các nguyên nhân gây suy giáp</p> <p>2.2.1. <i>Suy giáp nguyên phát</i></p> <p>2.2.2. <i>Suy giáp thứ phát</i></p> <p>2.3. Triệu chứng</p> <p>2.3.1. <i>Lâm sàng</i></p> <p>2.3.2. <i>Cận lâm sàng</i></p> <p>2.4. Nguy cơ và biến chứng</p> <p>2.5. Điều trị</p> <p>2.5.1. <i>Mục tiêu điều trị</i></p> <p>2.5.2. <i>Các thuốc điều trị suy giáp</i></p> <p>2.5.3. <i>Theo dõi bệnh nhân</i></p> <p>2.6. Tương tác thuốc</p> <p><b>3. CƯỜNG GIÁP</b></p> <p>3.1. Định nghĩa</p> <p>3.2. Bệnh sinh và các nguyên nhân gây cường giáp</p> <p>3.2.1. <i>Bệnh Basedow (bệnh Graves)</i></p> <p>3.2.2. <i>Bướu giáp đơn độc hoặc đa nhân</i></p> <p>3.2.3. <i>Viêm tuyến giáp tự miễn Hashimoto</i></p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--



	<p>3.2.4. Cường giáp do iod (Bệnh Iod – Basedow)</p> <p>3.2.5. Các nguyên nhân khác</p> <p>3.3. Triệu chứng</p> <p>3.3.1. Biểu hiện lâm sàng</p> <p>3.3.2. Cận lâm sàng</p> <p>3.3.3. Tiến triển và biến chứng</p> <p>3.4. Điều trị</p> <p>3.4.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>3.4.2. Điều trị triệu chứng</p> <p>3.4.3. Các thuốc điều trị cường giáp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chất ức chế gắn iod vào tuyến</li> <li>- Iod phóng xạ (<math>^{131}\text{I}^-</math>)</li> <li>- Các thuốc ức chế tổng hợp thyroxin: carbimazol, thiamazol và propylthiouracil (PTU)</li> </ul> <p>3.4.4. Điều trị cường giáp bằng phẫu thuật</p> <p>3.4.5. Điều trị cường giáp cho phụ nữ có thai</p> <p style="text-align: center;"><b>KẾT LUẬN</b></p> <p style="text-align: center;"><b>TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</b></p>					
<p>Phần 4. Điều trị nội khoa bệnh thận – tiết niệu (Nhiễm khuẩn tiết niệu).</p>	<p style="text-align: center;"><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p><b>1. ĐẠI CƯƠNG VỀ NHIỄM KHUẨN TIẾT NIỆU</b></p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Phân loại</p> <p>1.2.1. Theo vị trí nhiễm khuẩn</p> <p>1.2.2. Nhiễm khuẩn tiết niệu không biến chứng và nhiễm khuẩn biến chứng</p> <p>1.3. Nguyên nhân</p>	06			06	<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

	<p>1.4. Bệnh sinh</p> <p>1.4.1. Đường nhiễm</p> <p>1.4.2. Cơ chế bảo vệ của cơ thể</p> <p>1.4.3. Độc lực của vi khuẩn</p> <p>1.5. Điều kiện thuận lợi</p> <p>1.6. Dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng</p> <p><b>2. ĐIỀU TRỊ NHIỄM KHUẨN TIẾT NIỆU</b></p> <p>2.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>2.2. Kiểm soát điều trị</p> <p>2.3. Điều trị một số nhiễm khuẩn tiết niệu cụ thể</p> <p>2.3.1. Viêm bàng quang cấp không biến chứng</p> <p>2.3.2. Nhiễm khuẩn tiết niệu không triệu chứng</p> <p>2.3.3. Hội chứng viêm niệu đạo cấp</p> <p>2.3.4. Nhiễm khuẩn tiết niệu biến chứng</p> <p>2.3.4.1. Viêm thận – bể thận cấp</p> <p>2.3.4.2. Nhiễm khuẩn tiết niệu ở nam giới</p> <p>2.3.4.3. Nhiễm khuẩn tiết niệu tái phát</p> <p>2.3.5. Các trường hợp đặc biệt</p> <p>2.3.5.1. Nhiễm khuẩn tiết niệu ở người mang thai</p> <p>2.3.5.2. Nhiễm khuẩn tiết niệu trên bệnh nhân đặt catheter</p> <p><b>3. SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ NHIỄM</b></p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

	<p><b>KHUẨN TIẾT NIỆU</b></p> <p>3.1. Các kháng sinh thường dùng trong điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu</p> <p>3.2. Sử dụng kháng dinh trong điều trị ngoại trú nhiễm khuẩn tiết niệu</p> <p>3.3. Một số phác đồ điều trị theo kinh nghiệm nhiễm khuẩn tiết niệu và viêm tuyến tiền liệt</p> <p><b>4. TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</b></p> <p>Tình huống 1: Nhiễm khuẩn tiết niệu dưới</p> <p>Tình huống 2: Viêm thận, bể thận cấp</p> <p>Tình huống 3: Nhiễm khuẩn tiết niệu tái phát</p> <p><b>KẾT LUẬN</b></p>					
--	--	--	--	--	--	--

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

## **8. Tài liệu học tập**

### **8.1. Tài liệu chính (TLC)**

1. Bộ môn Dược Lâm Sàng – Trường Đại học Dược Hà Nội (2007), *Dược lâm sàng và điều trị*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Kim Huyền và J.R.B.J Brouwers (2014), *Dược lâm sàng – Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập I-II*, NXB Y

### **8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)**

1. Bộ Y tế (2012), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Đại học Y Hà Nội (2012), *Bệnh học nội khoa tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội.
3. Phạm Thiệp, Vũ Ngọc Thúy (2006), *Thuốc biệt dược và cách sử dụng*, NXB Y học, Hà Nội.
4. Vụ Khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (2004), *Bệnh học nội khoa*, NXB Y học, Hà Nội.

## **9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết**

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình	

					thức khác	ngiên cứu (giờ)
1	04					
2	04					
3	04					
4	04					
5	04					
6	04					
7	04					
8	02					

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

\* Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

\* Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

### 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn.	30%		
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi lý thuyết (Trắc nghiệm trên máy tính)	70%	Điểm đạt tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 3

### 12.3. Điểm tổng kết học phần

$Điểm\ lý\ thuyết = Điểm\ đánh\ giá\ quá\ trình \times 30\% + Điểm\ thi\ kết\ thúc\ học\ phần \times 70\%$

$Điểm\ tổng\ kết\ học\ phần = (Điểm\ thi\ lý\ thuyết \times 2 + Điểm\ thi\ thực\ hành \times 1) / 3$

## 13. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

**BAN GIÁM ĐỐC**



**TRƯỞNG KHOA**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Văn Quân**

**PT BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Đỗ Thị Hồng Sâm**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)  
SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 20  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun: Sử dụng thuốc trong điều trị 1
- \* Tiếng Việt: Sử dụng thuốc trong điều trị 1
- \* Tiếng Anh: Pharmacotherapy 1
- Mã học phần/ mô đun: PHAR5131
- Số tín chỉ: (LT/TH): 3/1
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học sau phần lý thuyết của bài thực hành tương ứng
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	<a href="mailto:hongsamdo@gmail.com">hongsamdo@gmail.com</a>
2	Ths. Bùi Thị Hào	0988264429	<a href="mailto:haohaobn@gmail.com">haohaobn@gmail.com</a>
3	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	<a href="mailto:duythuc07@gmail.com">duythuc07@gmail.com</a>



### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
<b>Kiến thức</b>			
MT	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý hô hấp và huyết học, nội tiết – chuyển hóa, thận – tiết niệu	[2] [3] [6] [7] [9]	4
<b>Kỹ năng</b>			
MT	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý hô hấp và huyết học, nội tiết – chuyển hóa, thận – tiết niệu	[2] [3] [6] [7] [9]	4
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý hô hấp và huyết học, nội tiết – chuyển hóa, thận – tiết niệu	[10] [11]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý hô hấp và huyết học, nội tiết – chuyên hóa, thận – tiết niệu	<p>CĐR1: Tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả trong điều trị bệnh lý hô hấp.</p> <p>CĐR 2: Tính toán và hiệu chỉnh liều lượng, chế độ dùng thuốc cho bệnh nhân</p> <p>CĐR 3: Thu thập, phân tích các thông tin bệnh lý liên quan đến bệnh nhân</p> <p>CĐR4: Có kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, trình bày trong hoạt động nhóm liên quan đến nội dung thảo luận.</p> <p>CĐR 5: Có kỹ năng phản biện, thảo luận trong hoạt động nhóm liên quan đến nội dung thảo luận.</p> <p>CĐR 6: Có năng lực giải quyết vấn đề một cách độc lập trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.</p> <p>CĐR 7: Có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi mắc phải cộng đồng	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi tắc							

ngheñ mạn tính COPD	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh cường chức năng tuyến giáp	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm thận bể thận cấp	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm niệu đạo cấp không do lậu	3	3	3	2	2	2	1

**6. Mô tả học phần/ mô đun** – Phân thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

*Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar:* Sinh viên vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào thực hành các tình huống lâm sàng dựa trên triệu chứng lâm sàng, kết quả xét nghiệm và thuốc điều trị cho bệnh nhân.

Mô tả Học phần: thuyết trình và thảo luận nhóm các ca lâm sàng liên quan đến các bệnh lý hô hấp, huyết học, nội tiết và chuyển hóa, thận và tiết niệu.

*Mục đích* của phần Học phần: Phân tích và tư vấn được sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong điều trị các bệnh lý hô hấp, huyết học, nội tiết và chuyển hóa, thận và tiết niệu.

*Nội dung chính yếu:* Phân tích các ca lâm sàng liên quan đến các bệnh lý hô hấp, huyết học, nội tiết và chuyển hóa, thận và tiết niệu.

### 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung (như mục 5)	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi mắc phải cộng đồng	4	0	- Chuẩn bị ca lâm sàng cần báo cáo - Tham khảo hướng dẫn điều trị của Bộ y tế, các guideline điều trị các bệnh lý thảo luận. - Tra cứu các thông tin liên quan đến bệnh nhân, kết quả lâm sàng, cận lâm sàng, thuốc điều trị. - Tính toán, phân tích các thông tin liên quan đến việc dùng thuốc trên bệnh nhân. - Báo cáo, thuyết trình ca lâm sàng.
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi tắc nghẽn mạn tính COPD	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh cường chức năng tuyến giáp	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm thận bể thận cấp	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm niệu đạo cấp không do lậu	4	0	

### 8. Tài liệu học tập

#### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Dược lâm sàng (2020), *Tài liệu thực tập sử dụng thuốc trong điều trị 1*, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

#### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bộ y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị viêm phổi mắc phải cộng đồng ở người lớn.
- Bộ y tế (2018), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị viêm phổi mắc tắc nghẽn mạn tính.
- Hội tim mạch học quốc gia Việt Nam (2016), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch.
- Bộ y tế (2015), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học.
- Bộ y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đái tháo đường tip 2.
- Bộ y tế (2014), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội tiết chuyên khoa.

7. Bộ y tế (2015), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh về thận – tiết niệu.

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

**9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng**

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Hỏi đáp	Báo cáo/ Seminar	
1	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi mắc phải cộng đồng	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
2	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi tắc nghẽn mạn tính COPD	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
3	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
4	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
5	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
6	Phân tích sử dụng						

	thuốc trong điều trị bệnh cường chức năng tuyến giáp	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
7	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm thận bể thận cấp	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
8	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm niệu đạo cấp không do lậu	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0

#### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình  Động não  Phản biện  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra .CDR1 và CDR 2

Học tập thảo luận đạt CDR3 , CDR4 và CDR5

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CDR6, CDR7.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

#### 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projector

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý và phải tham gia học bù vào buổi khác do bộ môn sắp xếp.
- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Sinh viên phải có bài báo cáo chuẩn bị nộp trước, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên.
- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.
- Điều kiện hoàn thành học phần thực hành: đạt 100% số buổi có mặt tham gia và nộp đầy đủ văn bản và slide báo cáo. Sinh viên không có bài nộp văn bản và slide sẽ coi như bị điểm F.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình:</b> Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Chuẩn bị và báo cáo slide + trả lời vấn đáp + chuẩn bị bài tập			
	Bài 1: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi mắc phải cộng đồng	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 2: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi tắc nghẽn mạn tính COPD	12,5%	$\geq 4$	

	Bài 3: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 4: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 5: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 6: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh cường chức năng tuyến giáp	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 7: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm thận bể thận cấp	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 8: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm niệu đạo cấp không do lậu.	12,5%	$\geq 4$	
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng</b>			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	$\geq 4$	CDR1 và CDR2 CDR3 đến CDR7

Hà Nội, ngày tháng năm

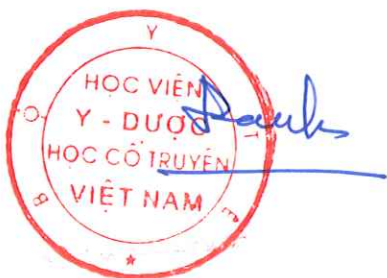
**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**PT BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Văn Quân*

*Đỗ Thị Hồng Sâm*

**Nguyễn Văn Quân**

**Đỗ Thị Hồng Sâm**

**GIÁM ĐỐC**  
**Đậu Xuân Cảnh**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ 2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 398/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Ngành Dược trình độ đại học; Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần**

- Tên học phần/ mô đun: Sử dụng thuốc trong điều trị 2
- \* Tiếng Việt: Sử dụng thuốc trong điều trị 2
- \* Tiếng Anh: Pharmacotherapy 2
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5132
- Số tín chỉ: LT: 2; TH: 1
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ năm
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Dược lâm sàng 2, Sử dụng thuốc trong điều trị 1
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
  - + Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết
  - + Bài tập:
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm:
  - + Kiểm tra:

+ Thời gian tự học:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược lâm sàng

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	duythuc07@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Hảo	0988264429	haohaobn@gmail.com

## 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Hiểu biết được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh như bệnh tim mạch, tiêu hóa, bộ máy vận động. Phân tích được cơ chế tác dụng, công dụng của từng loại thuốc trong phác đồ điều trị, cách dùng, liều dùng, tác dụng phụ, các phản ứng có hại của thuốc và cách xử trí, chống chỉ định của thuốc và những cảnh báo	[2] [3] [6] [7] [9]	3
MT2	Phân tích được các phác đồ hóa trị liệu một số bệnh thuộc hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, bộ máy vận động, ung thư và da liễu	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT3	Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc hướng dẫn bệnh	[10] [11]	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	nhân sử dụng thuốc hợp lý để điều trị các bệnh thuộc hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, bộ máy vận động, ung thư và da liễu.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đơn	CDR của học phần/ mô đơn
<b>Kiến thức</b>	
<b>MT1:</b> Hiểu biết được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh như bệnh tim mạch, tiêu hóa, bộ máy vận động, ung thư và da liễu. Phân tích được cơ chế tác dụng, công dụng của từng loại thuốc trong phác đồ điều trị, cách dùng, liều dùng, tác dụng phụ, các phản ứng có hại của thuốc và cách xử trí, chống chỉ định của thuốc và những cảnh báo	<b>CDR1:</b> Hiểu biết được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh trên bệnh nhân như: bệnh tim mạch, tiêu hóa, bộ máy vận động, ung thư và da liễu.
<b>Kỹ năng</b>	
<b>MT2:</b> Phân tích thuốc trong	<b>CDR2:</b> Phân tích thuốc trong các phác đồ hóa trị

các phác đồ hóa trị liệu một số bệnh thuộc hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, bộ máy vận động, ung thư và da liễu	liệu một số bệnh thuộc hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, bộ máy vận động, ung thư và da liễu, tư vấn cho cán bộ y tế về thuốc, hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc phục vụ cho công tác điều trị và sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>MT3:</b> Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý để điều trị các bệnh thuộc hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, bộ máy vận động, ung thư và da liễu.	<b>CDR3:</b> Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp. Nhận thức đúng về vai trò người dược sĩ. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR1	CDR2	CDR3
Phần 1. Điều trị nội khoa bệnh tim mạch (Suy tim, Tăng huyết áp).	3	2	3
Phần 2. Điều trị nội khoa bệnh thuộc hệ tiêu hóa (Loét dạ dày – tá tràng, Tiêu chảy ở trẻ em).	3	2	3
Phần 3. Điều trị nội khoa bệnh thuộc bộ máy vận động (Viêm khớp dạng thấp và thoái hóa khớp, Loãng xương, Bệnh Gout).	3	2	3
Phần 4. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh ung thư.	3	2	3
Phần 5. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh da liễu.	3	2	3

**6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Học phần này đề cập đến các kiến thức sử dụng thuốc trong điều trị, được trình bày trên một bệnh cụ thể nhằm giúp sinh viên thực hành chăm sóc dược theo mục tiêu và

nguyên tắc điều trị đã đặt ra cho mỗi bệnh, giúp cho các bác sĩ và dược sĩ trong sử dụng thuốc. Các bệnh cụ thể:

- Sử dụng thuốc để điều trị các bệnh tim mạch (Suy tim, Tăng huyết áp).
- Sử dụng thuốc để điều trị các bệnh thuộc hệ tiêu hóa (Loét dạ dày – tá tràng, Tiêu chảy ở trẻ em).
- Sử dụng thuốc để điều trị các bệnh thuộc bộ máy vận động (Viêm khớp dạng thấp và thoái hóa khớp, Loãng xương, Bệnh Gout).
- Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh ung thư.
- Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh da liễu.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Chương (Phần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	TH	BT TL KT	Tổng cộng		Tự học (Giờ)
Phần 1. Sử dụng thuốc để điều trị các bệnh tim mạch (Suy tim, Tăng huyết áp).	<p align="center"><b>SUY TIM</b></p> <p align="center"><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p>1. ĐẠI CƯƠNG VỀ SUY TIM</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Nguyên nhân</p> <p><i>1.2.1. Nguyên nhân cơ bản của suy tim</i></p> <p><i>1.2.2. Nguyên nhân thúc đẩy hay yếu tố làm nặng suy tim</i></p> <p>1.3. Phân độ suy tim</p> <p><i>1.3.1. Phân độ suy tim theo triệu chứng cơ năng</i></p> <p><i>1.3.2. Phân độ suy tim theo giai đoạn tiến triển của bệnh</i></p> <p>1.4. Chẩn đoán suy tim</p> <p><i>1.4.1. Chẩn đoán xác định</i></p> <p><i>1.4.2. Chẩn đoán xác định nguyên nhân suy tim</i></p>	08			08		Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.

	<p>2. ĐIỀU TRỊ SUY TIM</p> <p>2.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>2.2. Chiến lược điều trị</p> <p>2.3. Điều trị không dùng thuốc và giáo dục bệnh nhân</p> <p>2.3.1. <i>Tuân thủ điều trị và các biện pháp giáo dục bệnh nhân</i></p> <p>2.3.2. <i>Một số biện pháp không dùng thuốc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chế độ ăn uống</i></li> <li>- <i>Hút thuốc lá</i></li> <li>- <i>Giám sát cân nặng</i></li> <li>- <i>Luyện tập</i></li> </ul> <p>2.4. Các thuốc điều trị suy tim</p> <p>2.4.1. <i>Các nhóm thuốc điều trị suy tim và mối liên quan với cơ chế bệnh sinh</i></p> <p>2.4.2. <i>Các nhóm thuốc chính trong điều trị suy tim</i></p> <p>2.4.2.1. <i>Nhóm thuốc ức chế men chuyển</i></p> <p>2.4.2.2. <i>Nhóm thuốc chẹn beeta giao cảm</i></p> <p>2.4.2.3. <i>Nhóm thuốc chẹn thụ thể angiotensin</i></p> <p>2.4.2.4. <i>Nhóm thuốc kháng aldosteron</i></p> <p>2.4.2.5. <i>Hydralazin và nitrat</i></p> <p>2.4.2.6. <i>Digitalis</i></p> <p>2.4.2.7. <i>Thuốc lợi tiểu</i></p> <p>TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</p> <p>Ca lâm sàng 1</p> <p>Ca lâm sàng 2</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--

<p style="text-align: center;"><b>KẾT LUẬN</b></p> <p style="text-align: center;"><b>TĂNG HUYẾT ÁP</b></p> <p style="text-align: center;"><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p><b>1. ĐẠI CƯƠNG VỀ BỆNH TĂNG HUYẾT ÁP</b></p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Nguyên nhân</p> <p>1.3. Chẩn đoán</p> <p><i>1.3.1. Chẩn đoán xác định THA</i></p> <p><i>1.3.1.1. Các phương pháp đo huyết áp</i></p> <p><i>1.3.1.2. Phân độ huyết áp</i></p> <p><i>1.3.2. Xác định các yếu tố nguy cơ tim mạch, biến chứng và tổn thương cơ quan đích của THA</i></p> <p><i>1.3.3. Các xét nghiệm tìm tổn thương cơ quan đích, nguyên nhân tăng huyết áp và yếu tố nguy cơ tim mạch</i></p> <p><i>1.3.4. Phân tầng nguy cơ tim mạch</i></p> <p><b>2. ĐIỀU TRỊ TĂNG HUYẾT ÁP</b></p> <p>2.1. Nguyên tắc điều trị</p> <p>2.2. Chiến lược điều trị THA</p> <p><i>2.2.1. Điều trị tăng huyết áp bằng thuốc tại tuyến cơ sở</i></p> <p><i>2.2.2. Điều trị THA và các yếu tố nguy cơ tim mạch khác ở tuyến trên</i></p> <p>2.3. Điều trị không dùng thuốc (điều trị bằng thay đổi lối sống)</p> <p>2.4. Thuốc điều trị THA</p> <p><i>2.4.1. Nguyên tắc sử dụng thuốc điều trị THA</i></p>							
---	--	--	--	--	--	--	--

	<p>2.4.2. Các nhóm thuốc chính trong điều trị THA</p> <p>2.4.2.1. Thuốc lợi tiểu</p> <p>2.4.2.2. Thuốc chẹn beeta giao cảm</p> <p>2.4.2.3. Thuốc chẹn kênh calci</p> <p>2.4.2.4. Thuốc ức chế men chuyển angiotensin</p> <p>2.4.2.5. Thuốc ức chế thụ thể angiotensin</p> <p>2.4.3. Nguyên tắc lựa chọn thuốc điều trị THA</p> <p>2.4.4. Phối hợp thuốc điều trị THA</p> <p>2.4.4.1. Phối hợp thuốc so với đơn trị liệu</p> <p>2.4.4.2. Các kiểu phối hợp thuốc trong điều trị THA</p> <p>2.5. Điều trị THA trong các nhóm bệnh nhân đặc biệt</p> <p>2.5.1. THA ở người cao tuổi</p> <p>2.5.2. THA và đái tháo đường</p> <p>2.5.3. THA và bệnh thận</p> <p>2.5.4. THA và đột quỵ</p> <p>2.5.5. THA trên phụ nữ có thai</p> <p>2.5.6. Con THA cấp cứu và khẩn cấp</p> <p>KẾT LUẬN</p> <p>CA LÂM SÀNG</p> <p>Ca lâm sàng 1</p> <p>Ca lâm sàng 2</p> <p>Ca lâm sàng 3</p>					
Phân 2. Điều trị nội	<b>LOÉT DẠ DÀY – TÁ TRÀNG</b> 1. ĐẠI CƯƠNG	08			08	Nghe, ghi



khoa bệnh tiêu hóa	1.1. Chức năng sinh lý của dạ dày 1.2. Bệnh căn và bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng 2. CHẨN ĐOÁN 2.1. Triệu chứng lâm sàng 2.1.1. <i>Thể điển hình</i> 2.1.2. <i>Thể không điển hình</i> 2.2. Xét nghiệm cận lâm sàng 2.2.1. <i>Thăm dò hình thái</i> 2.2.2. <i>Các xét nghiệm phát hiện HP</i> 2.2.3. <i>Thăm dò chức năng bài tiết dịch vị của dạ dày</i> 3. ĐIỀU TRỊ 3.1. Nguyên tắc điều trị 3.2. Mục đích điều trị 3.2.1. <i>Giảm yếu tố gây loét</i> 3.2.2. <i>Tăng cường yếu tố bảo vệ niêm mạc</i> 3.2.3. <i>Diệt trừ HP</i> 3.3. Các thuốc điều trị 3.3.1. <i>Thuốc tác động lên hệ thần kinh trung ương và thực vật</i> 3.3.2. <i>Thuốc chống acid (antacid)</i> 3.3.3. <i>Các thuốc bảo vệ niêm mạc, băng bó ổ loét</i> 3.3.4. <i>Các chất chống bài tiết (antisecretory agents)</i> 3.3.4.1. <i>Thuốc ức chế thụ thể H<sub>2</sub> của histamine ở tế bào bì (anti – H<sub>2</sub>)</i> 3.3.4.2. <i>Thuốc ức chế bơm proton H<sup>+</sup>/K<sup>+</sup> ATPase của tế bào bì (PPI)</i>						chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.
-----------------------	--	--	--	--	--	--	---

	<p>3.3.5. <i>Thuốc diệt vi khuẩn HP</i></p> <p><b>4. TƯƠNG TÁC THUỐC</b></p> <p>4.1. Nhóm thuốc trung hòa acid dịch vị và băng bó niêm mạc</p> <p>4.2. Nhóm thuốc ức chế bài tiết acid</p> <p>4.2.1. <i>Nhóm kháng thụ thể <math>H_2</math></i></p> <p>4.2.2. <i>Nhóm ức chế bơm proton <math>H^+/K^+</math> ATPase</i></p> <p><b>KẾT LUẬN</b></p> <p><b>TIÊU CHẢY Ở TRẺ EM</b></p> <p><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p><b>1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TIÊU CHẢY</b></p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Dịch tễ học và nguyên nhân</p> <p>1.2.1. <i>Đường lây truyền</i></p> <p>1.2.2. <i>Yếu tố nguy cơ</i></p> <p>1.2.3. <i>Nguyên nhân</i></p> <p>1.3. Cơ chế bệnh sinh và các yếu tố ảnh hưởng</p> <p>1.3.1. <i>Cơ chế bệnh sinh</i></p> <p>1.3.2. <i>Tiêu chảy có nhiễm trùng</i></p> <p>1.3.2.1. <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nhiễm trùng khi mắc bệnh tiêu chảy</i></p> <p>1.3.2.2. <i>Các loại độc tố do vi khuẩn tạo ra khi có nhiễm khuẩn đường tiêu hóa</i></p> <p>1.4. Đánh giá lâm sàng bệnh tiêu chảy</p> <p>1.4.1. <i>Đánh giá tình trạng mất nước</i></p> <p>1.4.2. <i>Đánh giá tình trạng phân</i></p> <p>1.4.3. <i>Đánh giá thời gian kéo dài</i></p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

	<p><i>tiêu chảy</i></p> <p><i>1.4.4. Đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng kèm theo</i></p> <p><i>1.4.5. Đánh giá các dấu hiệu toàn thân khác</i></p> <p><b>2. ĐIỀU TRỊ TIÊU CHẢY CẤP Ở TRẺ EM</b></p> <p>2.1. Mục tiêu</p> <p>2.2. Phác đồ điều trị</p> <p><i>2.2.1. Phác đồ A. Điều trị tiêu chảy tại nhà</i></p> <p><i>2.2.2. Phác đồ B. Điều trị mất nước bằng ORS, bù dịch bằng đường uống tại cơ sở y tế</i></p> <p><i>2.2.3. Điều trị tiêu chảy trong một số trường hợp đặc biệt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh tả</li> <li>- Bệnh lỵ</li> <li>- Điều trị tiêu chảy kéo dài</li> <li>- Điều trị tiêu chảy ở trẻ suy dinh dưỡng nặng</li> </ul> <p>2.3. Một số khuyến cáo mới trong điều trị tiêu chảy (Theo hướng dẫn điều trị tiêu chảy của Bộ Y tế 2009)</p> <p><i>2.3.1. Bổ xung kẽm trong điều trị tiêu chảy</i></p> <p><i>2.3.2. Sử dụng ORS có độ thẩm thấu thấp trong điều trị tiêu chảy</i></p> <p>2.4. Liệu pháp kháng sinh trong điều trị tiêu chảy</p> <p>2.5. Các liệu pháp khác trong điều trị tiêu chảy</p> <p><i>2.5.1. Thuốc chống tiêu chảy</i></p>						
--	---	--	--	--	--	--	--

	<p>2.5.2. <i>Racecadotril</i></p> <p>2.5.3. <i>Thuốc chống nôn</i></p> <p>2.5.4. <i>Các thuốc kích thích tim mạch</i></p> <p>2.5.5. <i>Máu và plasma</i></p> <p>2.5.6. <i>Steroid</i></p> <p>2.5.7. <i>Thuốc tẩy</i></p> <p><b>3. PHÒNG BỆNH TIÊU CHÁY</b></p> <p>3.1. Nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p>3.2. Cải thiện nuôi dưỡng bằng thức ăn bổ xung (ăn sam)</p> <p>3.3. Sử dụng nước sạch</p> <p>3.4. Rửa tay thường quy</p> <p>3.5. Thực phẩm an toàn</p> <p>3.6. Sử dụng hồ xí và xử lý phân an toàn</p> <p>3.7. Phòng bệnh bằng vaccine</p> <p><b>KẾT LUẬN</b></p> <p><b>TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</b></p> <p>Tình huống 1</p> <p>Tình huống 2</p>						
<p>Phân 3. Điều trị bệnh thuộc bộ máy vận động.</p>	<p><b>VIÊM KHỚP DẠNG THẤP VÀ THOÁI HÓA KHỚP MỞ ĐẦU</b></p> <p>1. VIÊM KHỚP DẠNG THẤP</p> <p>1.1. Nguyên nhân của viêm khớp dạng thấp</p> <p>1.2. Các yếu tố nguy cơ</p> <p>1.3. Bệnh sinh và tiến triển của bệnh</p> <p>1.4. Triệu chứng</p> <p>1.4.1. <i>Các triệu chứng lâm sàng</i></p> <p>1.4.2. <i>Các triệu chứng cận lâm</i></p>	08			08		<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

<p>sàng</p> <p>1.5. Điều trị</p> <p>1.5.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>1.5.2. Những biện pháp không dùng thuốc</p> <p>1.5.3. Những bước can thiệp bằng thuốc</p> <p>1.6. Các thuốc thường dùng trong viêm khớp dạng thấp (VKDT)</p> <p>1.6.1. Các thuốc điều trị cơ bản bệnh – DMARD (Disease Modifying Anti – Rheumatoid Drug)</p> <p>1.6.2. Các tác nhân gây thay đổi đáp ứng sinh học</p> <p>1.6.3. Các chất kháng viêm không steroid (NSAID)</p> <p>1.6.4. Các corticosteroid</p> <p>1.7. Chiến lược điều trị viêm khớp dạng thấp</p> <p>1.7.1. Phác đồ điều trị</p> <p>1.7.2. Theo dõi điều trị</p> <p>2. THOÁI HÓA KHỚP</p> <p>2.1. Định nghĩa</p> <p>2.2. Nguyên nhân thoái hóa khớp</p> <p>2.3. Tỷ lệ hiện mắc</p> <p>2.4. Bệnh sinh và tiến triển của bệnh</p> <p>2.5. Triệu chứng của thoái hóa khớp</p> <p>2.5.1. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>2.5.2. Triệu chứng cận lâm sàng</p> <p>2.6. Chẩn đoán</p> <p>2.7. Điều trị</p>						
--	--	--	--	--	--	--

	<p>2.7.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>2.7.2. Các biện pháp điều trị</p> <p>2.7.2.1. Phương pháp điều trị không dùng thuốc</p> <p>2.7.2.2. Phương pháp điều trị dùng thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Acetaminophen</li> <li>- Kháng viêm không corticoid (NSAID)</li> <li>- Corticoid</li> </ul> <p>2.7.3. Đánh giá điều trị</p> <p>2.8. Tương tác thuốc</p> <p style="text-align: center;"><b>KẾT LUẬN</b></p> <p style="text-align: center;"><b>TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</b></p> <p>Ca lâm sàng 1: Viêm khớp dạng thấp</p> <p>Ca lâm sàng 2: Thoái hóa khớp</p> <p style="text-align: center;"><b>LOÃNG XƯƠNG</b></p> <p style="text-align: center;"><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p>1. BỆNH LOÃNG XƯƠNG</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Phân loại</p> <p>1.3. Cơ chế bệnh sinh</p> <p>1.4. Các dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng</p> <p>1.4.1. Lâm sàng</p> <p>1.4.2. Cận lâm sàng</p> <p>1.5. Tầm soát</p> <p>2. ĐIỀU TRỊ</p> <p>2.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>2.2. Điều trị không dùng thuốc</p> <p>2.2.1. Điều chỉnh các yếu tố nguy cơ</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--

<p>2.2.2. <i>Luyện tập thể dục</i></p> <p>2.2.3. <i>Phòng ngừa té ngã</i></p> <p>2.3. Điều trị dùng thuốc</p> <p>2.3.1. <i>Calci và vitain D</i></p> <p>2.3.2. <i>Estrogen và SERM</i></p> <p>2.3.3. <i>Bisphosphonat</i></p> <p>2.3.4. <i>Một số thuốc khác</i></p> <p>- <i>Calcitonin</i></p> <p>- <i>Strontiumranelat</i></p> <p>3. THEO DÕI ĐIỀU TRỊ</p> <p>4. ĐIỀU TRỊ SỰ PHÒNG</p> <p>KẾT LUẬN</p> <p>CA LÂM SÀNG</p> <p>Ca lâm sàng 1</p> <p>Ca lâm sàng 2</p> <p><b>BỆNH GOUT</b></p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. VỀ BỆNH GOUT</p> <p>1.1. Vài nét về dịch tễ</p> <p>1.2. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và tiến triển của bệnh</p> <p>1.2.1. <i>Chuyển hóa của acid uric</i></p> <p>1.2.2. <i>Nguyên nhân gây bệnh</i></p> <p>1.2.3. <i>Cơ chế bệnh sinh của bệnh Gout</i></p> <p>1.3. Các yếu tố làm tăng nguy cơ mắc bệnh Gout</p> <p>1.4. Biến chứng</p> <p>2. PHÂN LOẠI BỆNH GOUT</p> <p>2.1. Gout nguyên phát</p> <p>2.2. Gout thứ phát</p> <p>2.3. Gout do các bất thường về enzym</p> <p>3. CHẨN ĐOÁN</p>						
--	--	--	--	--	--	--

	<p>3.1. Triệu chứng</p> <p>3.1.1. Tăng acid uric máu đơn thuần</p> <p>3.1.2. Con viêm khớp Gout cấp</p> <p>3.1.3. Khoảng cách giữa các cơn viêm khớp gout cấp</p> <p>3.1.4. Viêm khớp gout mạn</p> <p>3.2. Chẩn đoán xác định</p> <p>3.2.1. Lâm sàng</p> <p>3.2.2. Xét nghiệm</p> <p>3.3. Tiêu chuẩn</p> <p>3.3.1. Tiêu chuẩn của ARA – 1968</p> <p>3.3.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán viêm khớp Gout cấp</p> <p>3.3.3. Tiêu chuẩn chẩn đoán của Ilar và Omeract (2000)</p> <p>3.4. Chẩn đoán phân biệt</p> <p>4. ĐIỀU TRỊ</p> <p>4.1. Mục tiêu điều trị</p> <p>4.2. Điều trị không dùng thuốc</p> <p>4.3. Điều trị dùng thuốc</p> <p>4.3.1. Khống chế đợt viêm khớp Gout cấp</p> <p>4.3.1.1. Colchicin</p> <p>4.3.1.2. Thuốc kháng viêm không steroid (NSAIDs)</p> <p>4.3.1.3. Corticosteroid</p> <p>4.3.2. Làm giảm và duy trì acid uric máu ở mức cho phép</p> <p>4.3.2.1. Nguyên tắc</p> <p>4.3.2.2. Các biện pháp để giảm acid uric máu</p> <p>4.4. Các thuốc thường dùng để giảm acid uric máu</p>						
--	---	--	--	--	--	--	--



	<p>4.4.1. Các chất hạn chế tổng hợp acid uric</p> <p>4.4.2. Các chất gây tăng bài xuất acid uric qua nước tiểu</p> <p>4.4.3. Các chất làm tiêu hủy acid uric</p> <p>4.5. Các biện pháp điều trị khác</p> <p>4.6. Theo dõi tiên lượng, phòng bệnh</p> <p>5. TƯƠNG TÁC THUỐC TRONG CHỈ ĐỊNH ĐIỀU TRỊ</p> <p>6. TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</p> <p>Ca lâm sàng 1</p> <p>Ca lâm sàng 2</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
<p>Phần 4. Sử dụng thuốc điều trị ung thư</p>	<p><b>SỬ DỤNG THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ</b></p> <p><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p>1. CÁC THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ</p> <p>1.1. Phân loại thuốc điều trị ung thư</p> <p>1.1.1. Các thuốc alkyl hóa</p> <p>1.1.2. Các thuốc kháng chuyển hóa</p> <p>1.1.3. Các kháng sinh kháng ung thư</p> <p>1.1.4. Các chất có nguồn gốc từ thực vật</p> <p>1.1.5. Các hormone</p> <p>1.1.6. Các thuốc biến đổi đáp ứng miễn dịch</p> <p>1.1.7. Một số nhóm thuốc điều trị ung thư mới</p>	04		04		<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

	<p>1.2. Một số thuốc ung thư hay dùng hiện nay</p> <p>2. ĐỘ TÍNH CỦA HÓA TRỊ LIỆU UNG THƯ</p> <p>3. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC KHI DÙNG THUỐC CHỐNG UNG THƯ.</p> <p>3.1. Dùng thuốc với liều cao nhất</p> <p>3.2. Phối hợp thuốc</p> <p>3.3. Pha loãng khi tiêm tĩnh mạch</p> <p>3.4. Chú ý nhiễm khuẩn</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
<p>Phần 5. Sử dụng thuốc điều trị bệnh da liễu</p>	<p><b>SỬ DỤNG THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU</b></p> <p><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p>1. THUỐC BÔI NGOÀI DA</p> <p>1.1. Khả năng thâm nhập của thuốc bôi ngoài da qua da</p> <p>1.2. Nguyên tắc chung của thuốc dùng ngoài da</p> <p><i>1.2.1. Lựa chọn tá dược</i></p> <p><i>1.2.2. Phân liều các chế phẩm cho da</i></p> <p><i>1.2.3. Tác dụng phụ của các chế phẩm bôi da</i></p> <p><i>1.2.4. Sự tuân thủ của bệnh nhân</i></p> <p>2. BỆNH VẢY NÉN</p> <p>2.1. Nguyên nhân gây bệnh</p> <p>2.2. Sinh bệnh học</p> <p>2.3. Biểu hiện lâm sàng</p> <p><i>2.3.1. Vảy nến dạng chàm</i></p> <p><i>2.3.2. Vảy nến mảng mạn tính</i></p> <p><i>2.3.3. Vảy nến da đầu</i></p> <p><i>2.3.4. Vảy nến ở móng</i></p>	<p>02</p>		<p>02</p>		<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

<p>2.3.5. <i>Vảy nến ở lòng bàn tay, bàn chân</i></p> <p>2.3.6. <i>Vảy nến ở nếp gấp</i></p> <p>2.3.7. <i>Vảy nến thể đồ da và mụn mủ toàn thân</i></p> <p>2.3.8. <i>Viêm khớp vảy nến</i></p> <p>2.4. Điều trị.</p> <p>2.4.1. <i>Điều trị tại chỗ</i></p> <p>2.4.2. <i>Điều trị vảy nến ngoài da ở những vị trí đặc biệt</i></p> <p>2.4.3. <i>Điều trị toàn thân</i></p> <p>3. BỆNH CHÀM.</p> <p>3.1. Đại cương</p> <p>3.2. Sinh bệnh học và các biểu hiện lâm sàng</p> <p>3.3. Các thể lâm sàng</p> <p>3.4. Điều trị</p> <p>3.4.1. <i>Thuốc làm mềm da</i></p> <p>3.4.2. <i>Corticosteroid bôi tại chỗ</i></p> <p>3.4.3. <i>Các chất điều hòa miễn dịch bôi tại chỗ</i></p> <p>3.4.4. <i>Thuốc kháng sinh</i></p> <p>3.4.5. <i>Chất làm khô</i></p> <p>3.4.6. <i>Thuốc kháng histamin</i></p> <p>3.4.7. <i>Các chế phẩm hắc ín</i></p> <p>3.4.8. <i>Băng đắp</i></p> <p>3.4.9. <i>Imidazol bôi tại chỗ</i></p> <p>3.4.10. <i>Các thuốc điều trị toàn thân</i></p> <p>3.4.11. <i>Quang trị liệu</i></p> <p>CÁC TÌNH HUỐNG LÂM SÀNG</p> <p>KẾT LUẬN</p>						
---	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dược Lâm Sàng – Trường Đại học Dược Hà Nội (2007), *Dược lâm sàng và điều trị*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Kim Huyền và J.R.B.J Brouwers (2014), *Dược lâm sàng – Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2012), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Đại học Y Hà Nội (2012), *Bệnh học nội khoa tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội.
3. Phạm Thiệp, Vũ Ngọc Thúy (2006), *Thuốc biệt dược và cách sử dụng*, NXB Y học, Hà Nội.
4. Vụ Khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (2004), *Bệnh học nội khoa*, NXB Y học, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	04					
4	04					
5	04					
6	04					
7	04					
8	02					

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

\* Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Tùm cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

\* Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

### *11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:*

Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

### *11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn.	30%		
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi lý thuyết (Trắc nghiệm trên máy tính)	70%	Điểm đạt tối thiểu 4/10	CDR 1 đến CDR 3

### 12.3. Điểm tổng kết học phần

$Điểm\ lý\ thuyết = Điểm\ đánh\ giá\ quá\ trình \times 30\% + Điểm\ thi\ kết\ thúc\ học\ phần \times 70\%$

$Điểm\ tổng\ kết\ học\ phần = (Điểm\ thi\ lý\ thuyết \times 2 + Điểm\ thi\ thực\ hành) / 3$

## 13. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**PT BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Văn Quân*

*Đỗ Thị Hồng Sâm*

**Nguyễn Văn Quân**

**Đỗ Thị Hồng Sâm**

**GIÁM ĐỐC**  
**Đâu Xuân Cảnh**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)  
SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ 2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 20\_\_\_\_  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun: Sử dụng thuốc trong điều trị 2
- \* Tiếng Việt: Sử dụng thuốc trong điều trị 2
- \* Tiếng Anh: Pharmacotherapy 2
- Mã học phần/ mô đun: PHAR5132
- Số tín chỉ: (LT/TH): 3/1
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học sau phần lý thuyết của bài thực hành tương ứng
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	<a href="mailto:hongsamdo@gmail.com">hongsamdo@gmail.com</a>
2	Ths. Bùi Thị Hào	0988264429	<a href="mailto:haohaobn@gmail.com">haohaobn@gmail.com</a>

**3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)**



Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
<b>Kiến thức</b>			
MT1	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý tim mạch, tiêu hóa, cơ xương khớp, ung thư và da liễu	[2] [3] [6] [7] [9]	4
<b>Kỹ năng</b>			
MT1	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý tim mạch, tiêu hóa, cơ xương khớp, ung thư và da liễu	[2] [3] [6] [7] [9]	4
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT1	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý tim mạch, tiêu hóa, cơ xương khớp, ung thư và da liễu	[10] [11]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
---------------------------	--------------------------



<p>Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý tim mạch, tiêu hóa, cơ xương khớp, ung thư và da liễu</p>	<p>CDR1: Tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả trong điều trị bệnh lý hô hấp.</p> <p>CDR 2: Tính toán và hiệu chỉnh liều lượng, chế độ dùng thuốc cho bệnh nhân</p> <p>CDR 3: Thu thập, phân tích các thông tin bệnh lý liên quan đến bệnh nhân</p> <p>CDR4: Có kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, trình bày trong hoạt động nhóm liên quan đến nội dung thảo luận.</p> <p>CDR 5: Có kỹ năng phản biện, thảo luận trong hoạt động nhóm liên quan đến nội dung thảo luận.</p> <p>CDR 6: Có năng lực giải quyết vấn đề một cách độc lập trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.</p> <p>CDR 7: Có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>
---	--

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh suy tim	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tiêu chảy ở trẻ em	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh Gout	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong							

điều trị bệnh ung thư vú	3	3	3	2	2	2	1
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh vảy nến.	3	3	3	2	2	2	1

**6. Mô tả học phần/ mô đun** – Phân thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

*Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar:* Sinh viên vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào thực hành các tình huống lâm sàng dựa trên triệu chứng lâm sàng, kết quả xét nghiệm và thuốc điều trị cho bệnh nhân.

Mô tả Học phần: thuyết trình và thảo luận nhóm các ca lâm sàng liên quan đến các bệnh lý hô hấp, huyết học, nội tiết và chuyển hóa, thận và tiết niệu.

*Mục đích* của phần Học phần: Phân tích và tư vấn được sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong điều trị các bệnh lý hô hấp, huyết học, nội tiết và chuyển hóa, thận và tiết niệu.

*Nội dung chính yếu:* Phân tích các ca lâm sàng liên quan đến các bệnh lý hô hấp, huyết học, nội tiết và chuyển hóa, thận và tiết niệu.

#### 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh suy tim	4	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị ca lâm sàng cần báo cáo</li> <li>- Tham khảo hướng dẫn điều trị của Bộ y tế, các guideline điều trị các bệnh lý thảo luận.</li> <li>- Tra cứu các thông tin liên quan đến bệnh nhân, kết quả lâm sàng, cận lâm sàng, thuốc điều trị.</li> <li>- Tính toán, phân tích các thông tin liên quan đến việc dùng thuốc trên bệnh nhân.</li> <li>- Báo cáo, thuyết trình ca lâm sàng.</li> </ul>
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tiêu chảy ở trẻ em	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh Gout	4	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh ung thư vú	3	0	
Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị			

bệnh vảy nến.	3	0	
---------------	---	---	--

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đại học Dược Hà Nội (2014), Dược lâm sàng và những nguyên lý cơ bản trong điều trị
- 2, ban quản lý dự án NPT-VNM-240

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị suy tim mạn tính.
2. Hội tim mạch học quốc gia Việt Nam (2018), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp.
3. Bộ y tế (2015), Hướng dẫn sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm loét dạ dày có HP.
4. Bộ y tế (2009), Hướng dẫn xử trí tiêu chảy ở trẻ em.
5. Bộ y tế (2016), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh cơ xương khớp.
6. Bộ y tế (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư vú.
7. Bộ y tế (2015), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu.

## 9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	
1	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh suy tim	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
2	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0
3	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0

	bệnh viêm loét dạ dày tá tràng						
4	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tiêu chảy ở trẻ em	1,0	0,5	0.5	1,0	1,0	0
5	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp	1,0	0,5	0.5	1,0	1,0	0
6	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh Gout	1,0	0,5	0.5	1,0	1,0	0
7	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh ung thư vú	1,0	0,5	0.5	1,0	1,0	0
8	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh vẩy nến.	1,0	0,5	0.5	1,0	1,0	0

**10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR7**

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình  Động não  Phản biện  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra .CDR1 và CDR 2

Học tập thảo luận đạt CDR3 , CDR4 và CDR22

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CDR6, CDR7.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

### *11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:*

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học

- Có máy tính và projector

### *11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý và phải tham gia học bù vào buổi khác do bộ môn sắp xếp.

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Sinh viên phải có bài báo cáo chuẩn bị nộp trước, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phân biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phân biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Điều kiện hoàn thành học phần thực hành: đạt 100% số buổi có mặt tham gia và nộp đầy đủ văn bản và slide báo cáo. Sinh viên không có bài nộp văn bản và slide sẽ coi như bị điểm F.


## **12. Phương pháp đánh giá học phần**

### **12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### **12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)**

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình:</b> (dưới đây là ví dụ chấm theo bài) Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Chuẩn bị và báo cáo slide + trả lời vấn đáp + chuẩn bị bài tập			

	Bài 1: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh suy tim	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 2: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 3: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 4: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tiêu chảy ở trẻ em	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 5: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 6: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh Gout	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 7: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh ung thư vú	12,5%	$\geq 4$	
	Bài 8: Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh vẩy nến.	12,5%	$\geq 4$	
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng</b>			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	$\geq 4$	CDR1 và CDR2 CDR3 đến CDR7

Hà Nội, ngày tháng năm

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**PT BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)





**Nguyễn Văn Quân**

**Đỗ Thị Hồng Sâm**



**GIÁM ĐỐC**  
**Đậu Xuân Cảnh**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
CHĂM SÓC DƯỢC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Ngành Dược trình độ đại học. Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần**

- Tên học phần/ mô đun: Chăm sóc dược
- \* Tiếng Việt: Chăm sóc dược
- \* Tiếng Anh: Pharmaceutical care
- Mã học phần: PHAR 5133
- Số tín chỉ: LT: 1; TH: 0
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ năm
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sử dụng thuốc trong điều trị 1 và 2.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
  - + Lý thuyết: 15 tiết
  - + Bài tập:
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm:
  - + Kiểm tra:
  - + Thời gian tự học:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược lâm sàng

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	duythuc07@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Hào	0988264429	haohaobn@gmail.com

## 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Hiểu biết được cách thu thập thông tin khi thực hiện chăm sóc dược.	[2] [3] [6] [7] [9]	3
MT2	Hiểu biết được kế hoạch theo dõi điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận.	[2] [3] [6] [7] [9]	3
MT3	Hiểu biết được nội dung tư vấn cho bệnh nhân trong điều trị một số bệnh mạn tính: hen, đái tháo đường, HIV/AIDS.	[2] [3] [6] [7] [9]	3
MT4	- Có được kỹ năng tư vấn khi thực hiện chăm sóc dược cho bệnh nhân. - Thực hành được việc kiểm soát tương tác thuốc bằng một số phần mềm có ở Việt Nam.	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT5	Xây dựng được kế hoạch theo dõi	[2]	4



2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận.	[3] [6] [7] [9]	
MT6	Xây dựng được nội dung chăm sóc được cho bệnh nhân trong điều trị một số bệnh mạn tính: hen, đái tháo đường, HIV/AIDS.	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT7	Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong công tác chăm sóc được.	[10] [11]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đơn	CDR của học phần/ mô đơn
<b>Kiến thức</b>	
<p><b>MT1:</b> Hiểu biết được cách thu thập thông tin khi thực hiện chăm sóc được.</p> <p><b>MT2:</b> Hiểu biết được kế hoạch theo dõi điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận.</p> <p><b>MT3:</b> Hiểu biết được nội dung tư vấn cho bệnh nhân</p>	<p><b>CDR1:</b> Hiểu biết được các kiến thức về chăm sóc được trong giải thích và phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực được, đưa ra các giải pháp phù hợp với vấn đề thực tiễn.</p>

trong điều trị một số bệnh mạn tính: hen, đái tháo đường, HIV/AIDS.	
<b>Kỹ năng</b>	
<p><b>MT4:</b> Có được kỹ năng tư vấn khi thực hiện chăm sóc được cho bệnh nhân. Thực hành được việc kiểm soát tương tác thuốc bằng một số phần mềm có ở Việt Nam.</p> <p><b>MT5:</b> Xây dựng được kế hoạch theo dõi điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận.</p> <p><b>MT6:</b> Xây dựng được nội dung tư vấn cho bệnh nhân trong điều trị một số bệnh mạn tính: hen, đái tháo đường, HIV/AIDS.</p>	<p><b>CDR2:</b> Vận dụng được những kiến thức về chăm sóc được vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả, phục vụ cho công tác tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.</p>
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<p><b>MT7:</b> Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong công tác chăm sóc được.</p>	<p><b>CDR3:</b> Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp. Nhận thức đúng về vai trò người dược sĩ. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.</p>

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR1	CDR2	CDR3
Phần 1. Đại cương về chăm sóc được. Giáo dục và tư vấn cho BN trong CSD.	3	2	3
Phần 2. Theo dõi điều trị khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận. Kiểm soát tương	3	2	3

tác thuốc trong điều trị.			
Phần 3. Chăm sóc dược cho bệnh nhân hen phế quản. Chăm sóc dược cho bệnh nhân đái tháo đường.	3	2	3
Phần 4. Tư vấn chăm sóc dược cho bệnh nhân trong điều trị HIV/AIDS.	3	2	3

**6. Mô tả học phần** (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Chăm sóc Dược là nhiệm vụ tập trung vào việc điều trị bằng thuốc với mục đích cải thiện chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân.

Để thực hiện nhiệm vụ trên của chăm sóc dược, học phần này trình bày các nội dung sau:

- Đại cương về chăm sóc dược: nội dung cơ bản và những nhiệm vụ của Dược sĩ lâm sàng trong mô hình chăm sóc dược.
- Giáo dục và chăm sóc bệnh nhân: cách thức thu thập xử lý thông tin và kỹ năng tư vấn khi chăm sóc dược.
- Theo dõi điều trị khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận: Những nội dung cơ bản và những bước cần làm khi thực hành hiệu chỉnh liều.
- Kiểm soát tương tác thuốc trên lâm sàng: các nguyên tắc cơ bản khi kê đơn nhằm giảm thiểu TTT bất lợi và thực hành kiểm soát TTT bằng các phần mềm hiện có ở Việt Nam.
- Xây dựng được kế hoạch điều trị hệ thống và liên tục về thuốc cho bệnh nhân với một số bệnh mạn tính:
  - Những nội dung cần tư vấn để chuẩn bị tâm lý cho bệnh nhân khi bắt đầu điều trị.
  - Tư vấn về sử dụng thuốc: Lựa chọn thuốc và dạng bào chế về tương tác thuốc, về tác dụng không mong muốn, về cách bảo quản thuốc...
  - Phát hiện những nguyên nhân gây thất bại trong điều trị liên quan đến sử dụng thuốc và đề ra các biện pháp khắc phục.

**7. Nội dung chi tiết học phần**

Chương (Phần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)				
		LT	TH	BT TL KT	Tổng cộng	

<p>Phần 1. - Đại cương về chăm sóc dược. - Giáo dục và tư vấn cho BN trong CSD.</p>	<p><b>ĐẠI CƯƠNG VỀ CHĂM SÓC DƯỢC</b></p> <p>1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN CHĂM SÓC DƯỢC</p> <p>2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CHĂM SÓC DƯỢC</p> <p>2.1. Xác định mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong điều trị</p> <p>2.2. Lựa chọn thuốc có chỉ số hiệu quả/an toàn và hiệu quả/kinh tế cao nhất</p> <p>2.3. Xây dựng một kế hoạch điều trị hệ thống và liên tục về thuốc cho bệnh nhân.</p> <p>2.4. Xác định được các vấn đề hiện tại và lâu dài liên quan đến sức khỏe</p> <p>2.5. Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận điều trị</p> <p>2.6. Xác định những việc cần làm khi chăm sóc bệnh nhân ngoại trú</p> <p>3. NHIỆM VỤ CỦA DƯỢC SĨ LÂM SÀNG TRONG MÔ HÌNH CHĂM SÓC DƯỢC</p> <p>3.1. Thu thập các thông tin liên quan đến bệnh nhân</p> <p>3.2. Chuẩn bị các thông tin liên quan đến thuốc</p> <p>3.3. Tư vấn cho bác sĩ các thông tin liên quan đến dược động học của thuốc</p> <p>3.4. Thông báo về tác dụng</p>	04			04		Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.
---	---	----	--	--	----	--	--

	<p>không mong muốn đã biết của thuốc cho bệnh nhân.</p> <p>3.5. Tư vấn về cách dùng thuốc</p> <p>3.6. Phát hiện những nguyên nhân thất bại điều trị liên quan đến thuốc</p> <p>3.7. Tìm biện pháp khắc phục để đạt hiệu quả sử dụng thuốc tốt nhất</p> <p><b>KẾT LUẬN</b></p> <p><b>GIÁO DỤC VÀ TƯ VẤN BỆNH NHÂN TRONG CHĂM SÓC DƯỢC</b></p> <p>1. KHÁI NIỆM VỀ GIÁO DỤC VÀ TƯ VẤN BỆNH NHÂN TRONG CHĂM SÓC DƯỢC.</p> <p>2. CÁCH THỨC THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG CHĂM SÓC DƯỢC CHO BỆNH NHÂN.</p> <p>3. ĐIỀU KIỆN CẦN CÓ VÀ KỸ NĂNG TƯ VẤN KHI THỰC HIỆN CHĂM SÓC DƯỢC.</p> <p>3.1. Điều kiện cần có khi làm tư vấn</p> <p>3.2. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>3.3. Các câu hỏi cơ bản khi tư vấn</p> <p>4. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG GỢI Ý CÁCH THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN KHI THỰC HIỆN CHĂM SÓC DƯỢC</p> <p><b>KẾT LUẬN</b></p>							
Phân 2.	<b>THEO DÕI ĐIỀU TRỊ</b>	04			04			Nghe,

<p>- Theo dõi điều trị khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận.</p> <p>- Kiểm soát tương tác thuốc trong điều trị.</p>	<p><b>KHI DÙNG THUỐC CHO BỆNH NHÂN SUY GIẢM CHỨC NĂNG GAN – THẬN</b></p> <p>1. THEO DÕI ĐIỀU TRỊ KHI SỬ DỤNG THUỐC Ở BỆNH NHÂN SUY GIẢM CHỨC NĂNG GAN</p> <p>1.1. Tại sao phải theo dõi điều trị khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan.</p> <p>1.2. Các nguyên tắc cơ bản trong sử dụng thuốc cho bệnh suy giảm chức năng gan.</p> <p>2. THEO DÕI ĐIỀU TRỊ KHI SỬ DỤNG THUỐC CHO BỆNH NHÂN SUY THẬN.</p> <p>2.1. Tại sao phải theo dõi điều trị khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân suy thận.</p> <p>2.2. Đánh giá chức năng thận</p> <p>2.3. Các nguyên tắc cơ bản để hiệu chỉnh liều cho bệnh nhân suy giảm chức năng thận</p> <p>2.4. Một số ví dụ về hướng dẫn hiệu chỉnh liều khi suy tiamr chức năng thận theo bảng tính sẵn.</p> <p>3. GIỚI THIỆU MỘT SỐ PHẦN MỀM ONLINE ĐỂ TÍNH TOÁN KHI ĐÁNH GIÁ CHỨC</p>						<p>ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>
---	---	--	--	--	--	--	---

	<p>NĂNG THẬN</p> <p>3.1. Tính tốc độ lọc cầu thận (GFR) cho bệnh nhân người lớn (<math>\geq 18</math> tuổi)</p> <p>3.2. Tính tốc độ lọc cầu thận (GFR) cho bệnh nhân người nhi (<math>&lt; 18</math> tuổi)</p> <p>3.3. Tính Clcr</p> <p><b>KIỂM SOÁT TƯƠNG TÁC THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ</b></p> <p>1. NGUYÊN TẮC CƠ BẢN KHI PHỐI HỢP THUỐC NHẪM GIẢM TƯƠNG TÁC BẤT LỢI.</p> <p>2. NHỮNG BIỆN PHÁP HẠN CHẾ TƯƠNG TÁC BẤT LỢI TRONG ĐIỀU TRỊ</p> <p>2.1. Nâng cao kiến thức về tương tác thuốc cho nhân viên y tế</p> <p>2.2. Nắm rõ các thông tin về bệnh nhân và về việc dùng thuốc của bệnh nhân</p> <p>2.3. Nâng cao nhận thức về TTT cho bệnh nhân</p> <p>2.4. Cải thiện hệ thống tin học cảnh báo tương tác thuốc</p> <p>3. CÁC PHẦN MỀM DUYỆT TƯƠNG TÁC THUỐC</p> <p>3.1. Hoàn cảnh ra đời của phần mềm duyệt tương tác thuốc</p> <p>3.2. Sử dụng phần mềm quản lý tương tác thuốc</p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

	<p>3.3. Những tiêu chí cần cho một phần mềm duyệt tương tác thuốc</p> <p>3.4. Vài nét về các phần mềm duyệt tương tác thuốc có tại Việt Nam</p> <p>3.4.1. Các phần mềm offline</p> <p>3.4.2. Các phần mềm online</p>					
<p>Phần 3.</p> <p>- Chăm sóc dược cho bệnh nhân hen phế quản.</p> <p>- Chăm sóc dược cho bệnh nhân đái tháo đường.</p>	<p><b>CHĂM SÓC DƯỢC CHO BỆNH NHÂN HEN PHẾ QUẢN</b></p> <p>PHẦN 1. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH KHI THỰC HIỆN CHĂM SÓC DƯỢC CHO BỆNH NHÂN HEN PHẾ QUẢN.</p> <p>BƯỚC 1. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU TRONG ĐIỀU TRỊ HEN: CẮT CĂN.</p> <p>BƯỚC 2. ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP DỰ PHÒNG ĐỂ GIẢM SỐ CƠN HEN ĐẾN TỐI THIỂU.</p> <p>BƯỚC 3. LẬP KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT HEN LÂU DÀI VÀ HIỆU QUẢ ĐỂ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CHO BỆNH NHÂN.</p> <p>PHẦN 2. THỰC HÀNH CHĂM SÓC DƯỢC</p> <p>2.1. Ca lâm sàng</p> <p>2.2. Xử trí hen</p> <p>KẾT LUẬN</p> <p><b>CHĂM SÓC DƯỢC CHO BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO</b></p>	04		04		<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>



	<p style="text-align: center;"><b>ĐƯỜNG</b></p> <p>PHẦN 1. CHĂM SÓC DƯỢC TRONG ĐIỀU TRỊ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYP 1.</p> <p>1. BƯỚC 1. CHUẨN BỊ KIẾN THỨC TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU THỰC HIỆN CSD. BƯỚC 2. TƯ VẤN SỬ DỤNG INSULIN.</p> <p>PHẦN 2. CHĂM SÓC DƯỢC TRONG ĐIỀU TRỊ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYP 2.</p> <p>1. VAI TRÒ CỦA DƯỢC SĨ LÂM SÀNG TRONG CHĂM SÓC DƯỢC CHO BỆNH NHÂN ĐTĐ TYP 2.</p> <p>2. CÁC BƯỚC TRONG QUY TRÌNH CSD CHO BỆNH NHÂN ĐTĐ TYP</p> <p>2.1. Xác định mục tiêu điều trị cho bệnh nhân ĐTĐ typ 2.</p> <p>2.2. Xem xét chiến lược điều trị ch bệnh nhân.</p> <p>2.3. Lựa chọn thuốc</p> <p>2.4. Lập kế hoạch sử dụng thuốc và giám sát sử dụng thuốc cho bệnh nhân</p> <p>PHẦN 3. TƯ VẤN CHẾ ĐỘ ĂN UỐNG LUYỆN TẬP VÀ CÁCH TỰ KIỂM TRA ĐƯỜNG HUYẾT TẠI NHÀ.</p> <p>KẾT LUẬN.</p>					
Phần 4. Tư vấn	<p style="text-align: center;"><b>MỞ ĐẦU</b></p> <p>1. TƯ VẤN CHUẨN BỊ</p>	03			03	Nghe, ghi

<p>chăm sóc được cho bệnh nhân trong điều trị HIV/AIDS.</p>	<p><b>TÂM LÝ SẴN SÀNG CHO BỆNH NHÂN TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU ĐIỀU TRỊ.</b></p> <p>1.1. Tâm quan trọng của tư vấn chuẩn bị tâm lý cho bệnh nhân trước khi điều trị</p> <p>1.2. Nội dung tư vấn chuẩn bị cho bệnh nhân trước khi bắt đầu điều trị bằng thuốc ARV.</p> <p><b>2. TƯ VẤN VỀ SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ HIV/AIDS.</b></p> <p><b>3. SỬ DỤNG THUỐC CHO MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT</b></p> <p>3.1. Sử dụng thuốc ARV cho phụ nữ nhiễm HIV khi mang thai</p> <p>3.2. Trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV</p> <p><b>4. DỰ PHÒNG NHIỄM TRÙNG CƠ HỘI</b></p> <p>4.1. Khái niệm NTCH</p> <p>4.2. Dự phòng đặc hiệu bằng tiêm chủng</p> <p>4.3. Dự phòng đặc hiệu bằng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn</p> <p><b>5. TƯƠNG TÁC THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ HIV/AIDS</b></p> <p>5.1. Một số thuốc hay dùng kèm với thuốc ARV</p> <p>5.2. TTT liên quan đến chuyển hóa của các thuốc ARV trong HAART</p>						<p>chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>
---	---	--	--	--	--	--	---

5.3. TTT ARV với thức ăn 5.4. Cách hạn chế tương tác bất lợi. 6. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN VÀ CÁCH XỬ TRÍ 7. KIẾN THỨC HỖ TRỢ SEMINAR KẾT LUẬN						
---	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Y tế (2015), *Chăm sóc dược*, NXB Y học, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2012), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ môn Dược Lâm Sàng – Trường Đại học Dược Hà Nội (2007), *Dược lâm sàng và điều trị*, NXB Y học, Hà Nội.
3. Đại học Y Hà Nội (2012), *Bệnh học nội khoa tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội.
4. Hoàng Thị Kim Huyền và J.R.B.J Brouwers (2014), *Dược lâm sàng – Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội.
5. Phạm Thiệp, Vũ Ngọc Thúy (2006), *Thuốc biệt dược và cách sử dụng*, NXB Y học, Hà Nội.
6. Vụ Khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (2004), *Bệnh học nội khoa*, NXB Y học, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	04					
4	04					

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

\* Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

\* Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

### *11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:*

Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

### *11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn.			
	Thực hành			
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Điểm đạt tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 3

### 12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

## 13. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**PT BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)





**Nguyễn Văn Quân**

**Đỗ Thị Hồng Sâm**

**GIÁM ĐỐC**

**Đậu Xuân Cảnh**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)  
THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun ...**

- Tên học phần/ mô đun: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP
- + Tiếng Việt: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP
- + Tiếng Anh: Vocational internship
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5134
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 03 (0,180,0)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ 2 năm thứ 5 (học kỳ 10)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên đã học các học phần trong chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học hệ chính quy.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

- + Lý thuyết: 22 tiết
- + Bài tập: tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 258 tiết
- + Kiểm tra: tiết
- + Thời gian tự học: 160 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Khoa Dược.

**2. Thông tin về giảng viên**



2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	nguồn nhân lực, quy trình làm việc, sự phối tác giữa các đơn vị, lập kế hoạch công việc .... của công ty dược, khoa dược bệnh viện và nhà thuốc và giữa lý thuyết đã học với thực tiễn		
	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3	Vận dụng kiến thức đã học tạo ý thức và thói quen sáng tạo cải tiến liên tục trong mọi công việc, tích lũy kinh nghiệm để tác nghiệp độc lập và làm việc nhóm trong giải quyết công việc nghề nghiệp, nêu cao kỹ năng giao tiếp và xử lý các tình huống giao tiếp nhằm có khả năng ứng phó với thực tế nghề nghiệp sau tốt nghiệp	[CĐR10] [CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b> 3	
MT1: Bổ sung kiến thức, công việc thực tế vào kiến thức đã được giảng dạy tại trường trong các lĩnh vực dược theo nội dung thực tập nghề nghiệp.	<p><b>CLO1:</b> Vận dụng kiến thức vào thực hành công việc chuyên môn, những thao tác cơ bản, những quy trình kỹ thuật và quy trình quản lý trong hành nghề dược tại các đơn vị ngành dược (bệnh viện, doanh nghiệp dược, nhà thuốc..)</p> <p><b>CLO 2:</b> Có khả năng xác định được mô hình quản trị, quản lý tại doanh nghiệp đến thực tập, thực hành tốt công việc cụ thể tại các khâu quản lý và hoạt động của doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn GSP,</p>

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
<b>1. Nhà thuốc</b>						
Phần 1: Quản lý dược	3	2	2	3	3	3
Phần 2: Dược lâm sàng	3	2	2	3	3	3
Phần 3: Kỹ năng giao tiếp	2	3	3	3	3	3
<b>2. Khoa dược bệnh viện</b>						
Phần 1: Quản lý dược	3	2	3	2	3	3
Phần 2: Dược lâm sàng	3	2	3	2	3	3
Phần 3: Bảo chế, pha chế thuốc tại bệnh viện	3	2	3	2	3	3
<b>3. Công ty sản xuất dược phẩm</b>						
Phần 1: Quản trị, quản lý, kinh doanh, marketing và nghiên cứu phát triển sản phẩm	3	3	2	2	3	3
Phần 2: Kho và kế hoạch sản xuất	3	3	2	2	3	3
Phần 3: Xưởng sản xuất	3	3	2	2	3	3
Phần 4: Cơ điện và xưởng hoàn thiện	3	3	2	2	3	3
Phần 5: Kiểm tra chất lượng và đảm bảo chất lượng	3	3	2	2	3	3

**6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Đây là học phần giữ vị trí quan trọng cốt lõi về kỹ năng với nội dung giúp sinh viên quan sát, tìm hiểu, phân tích, đánh giá những công việc trong hoạt động thực tế nghề nghiệp, sát với việc làm sau khi tốt nghiệp.

Sinh viên đi thực tế nghề nghiệp nhằm:

- Hiểu biết rõ mô hình cơ bản của ba loại hình: Doanh nghiệp, bệnh viện và cơ sở bán lẻ thuốc;
- Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học tại trường vào thực tế hành nghề.

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

TT	Nội dung	Thời gian hướng dẫn (giờ thực tập)			
		Tổng số	Lý thuyết (hướng dẫn)	Thực tập	Tài liệu học tập, tham khảo
1	<b>Vòng 1: Thực tập tại nhà thuốc</b>	160	0	160	
2	<b>Vòng 2: Thực tập tại bệnh viện</b>	80	10	70	
	3.1: Quản lý cung ứng thuốc	16	4	12	
	3.2: Dược lâm sàng	36	4	32	
	3.3: Bảo chế, pha chế thuốc tại bệnh viện	28	2	26	
3	<b>Vòng 3: Doanh nghiệp</b>	100	06	94	
	3.1. Quản trị, quản lý, kinh doanh, marketing và nghiên cứu phát triển sản phẩm	20	02	18	
	3.2. Kho và kế hoạch sản xuất	20	02	18	



Và Các văn bản quản lý nhà nước liên quan trực tiếp tới hoạt động của cơ sở đến thực tập nghề nghiệp (văn bản pháp lý pháp luật hiện hành, văn bản chuyên môn).

15. Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2020), *Pháp chế dược 2*. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
16. Trường đại học Dược Hà Nội (2012), *Thực hành tốt nhà thuốc*, NXB Y học
17. PGS.TS. Trần Từ An (2005) – *Kiểm nghiệm dược phẩm (Sách dùng đào tạo dược sĩ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội.
18. PGS.TS. Đặng Văn Hòa, PGS.TS. Vĩnh Định (2017) – *Kiểm nghiệm thuốc (Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội

## 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

19. Bộ Y tế (2015), *Dược thư Quốc gia Việt Nam*, Lần xuất bản thứ 2, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
20. Bộ Y tế (2017), *Dược thư Quốc gia Việt Nam dùng cho tuyến y tế cơ sở*, Lần xuất bản thứ hai, Nhà xuất bản Y học.
21. MIMS (2016), *Vidal Việt Nam (Drug reference)*.
22. Sean C Sweetman (2017), *Martindale the complete Drug reference*, Pharmaceutical Press (England).
23. American Society of Health system pharmacists (2017), *AHFS drug information*.
24. Đại học Y Hà Nội (2012), *Bệnh học nội khoa tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội.
25. Phạm Thiệp, Vũ Ngọc Thúy (2006), *Thuốc biệt dược và cách sử dụng*, NXB Y học, Hà Nội.
26. Vụ Khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (2004), *Bệnh học nội khoa*, NXB Y học, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng (như trình bày tại mục 7)

Có bảng phân thực hành nghề nghiệp theo nhóm bố trí cho toàn khóa trong năm học

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn đầu ra từ CĐR4 đến CĐR22 và CĐR25 của Chương trình đào tạo

- Sử dụng các phương pháp quan sát trực tiếp, tiếp cận hồ sơ tài liệu và trang thiết bị;
- Sử dụng phương pháp dạy học tích cực để khái quát mô hình hóa mỗi nội dung thực tập phù hợp với mỗi nội dung tại cơ sở thực tập;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp hồi cứu số liệu, cập nhật thông tin mới và cũ;

- Điểm TTNN từng vòng = (Điểm báo cáo + Điểm nhật ký + Điểm quá trình)/3
- Điểm tổng kết học phần = Điểm trung bình cộng 3 vòng thực tập

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá từng vòng và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
1.1	Điểm chuyên cần và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được cơ sở giao	33,3%	≥ 4 (thang điểm 10)	CLO1 – CLO6
1.2	Báo cáo thực tập	33,4%	≥ 4 (thang điểm 10)	CLO1 đến CLO6
1.3	Diễn giải quá trình thực tập	33,3%	≥ 4 (thang điểm 10)	CLO1 – CLO1
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng</b>			
	Trung bình cộng điểm 3 vòng	3 vòng thực tập	≥ 4 (thang điểm 10) và không vòng nào dưới 4	CLO1 đến CLO6

- Điểm học phần là điểm trung bình cộng của 3 vòng thực tập. Sinh viên có số điểm vòng thực tập nào dưới < 4,0 sẽ không đạt, và phải thực tập lại vòng thực tập đó.

Kết quả thực tập của sinh viên được lưu tại khoa Dược, phòng Đào tạo đại học và phòng Quản lý chất lượng.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

9

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Văn Tuấn*  
*Nguyễn Văn Tuấn*

*Trần Thị Ngọc*

**GIÁM ĐỐC**  
**Đậu Xuân Cảnh**

STT	Nội dung thực tập	Số giờ		Yêu cầu đối với sinh viên
		Thời lượng lý thuyết	Thời lượng thực tập	
3	Khảo sát các quy trình hoạt động của khoa dược; Tham gia một số quy trình hoạt động của khoa dược như sắp xếp kho thuốc, theo dõi cấp phát, xuất nhập, hoàn trả thuốc, quy cách đóng gói và các dạng bào chế thuốc, tồn trữ thuốc....tại kho thuốc	2	6	
<b>Phần 2: Dược lâm sàng</b>		<b>4</b>	<b>56</b>	
1	Quan sát và thực tập thực tế tại cơ sở, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của công tác Dược lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng tại khoa dược và tại Bệnh viện	2	8	So sánh thực tế tại cơ sở với lý thuyết, TLTK
2	Tập hợp các quy định hành chính và văn bản về dược lâm sàng áp dụng tại khoa dược và tại Bệnh viện	0	6	
3	Thực hành các phương pháp tra cứu thông tin thuốc và tương tác thuốc tại khoa Dược, cách vận dụng và xử lý về thông tin và tương tác thuốc	2	6	
4	Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc cho người bệnh tại quầy thuốc ngoại trú của bệnh viện	0	8	
5	Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc cho người bệnh tại kho phát thuốc lẻ ngoại trú của bệnh viện	0	8	
6	Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc, cung cấp thông tin thuốc cho cán bộ y tế tại kho phát thuốc lẻ nội trú của bệnh viện	0	8	
7	Thực hành công tác báo cáo ADR tại khoa Dược	0	8	
8	Thực hành phân tích đơn thuốc ngoại trú và phân tích sử dụng thuốc trong bệnh án tại các khoa điều trị của bệnh viện.	0	8	

## 2.2. Vòng bệnh viện tại bệnh viện YHCT

STT	Nội dung thực tập	Số giờ	Yêu cầu
-----	-------------------	--------	---------

STT	Nội dung thực tập	Số giờ		Yêu cầu đối với sinh viên
		Thời lượng lý thuyết	Thời lượng thực tập	
	khoa điều trị của bệnh viện.			
<b>Phần 3: Bảo chế, pha chế thuốc tại bệnh viện</b>		<b>4</b>	<b>20</b>	
1	Quan sát phòng pha chế thuốc, hóa chất, trang thiết bị bào chế sản xuất thuốc trong bệnh viện	2	2	So sánh thực tế tại cơ sở với lý thuyết, TLTK
2	Trực tiếp quan sát và Phân loại về các dạng thuốc, quy cách đóng gói được pha chế sản xuất tại khoa dược bệnh viện		4	
3	Thực hành pha chế thuốc tại khoa dược bệnh viện theo yêu cầu của khoa dược		8	
4	Quan sát và thiết lập danh mục các vị thuốc YHCT; danh mục chế phẩm (tự sản xuất, nhập ngoài)		4	
5	Kiến tập và tham gia ít nhất một công đoạn của chế biến sản xuất vị thuốc/ sản phẩm tại bệnh viện		4	
6	Kiến tập một số nội dung về QA/QC tại bệnh viện	2	2	
	- Khai thác tài liệu chung về QA/QC - Quan sát tài liệu trong các quy trình kiểm soát trong quá trình sản xuất			
7	Tham gia và báo cáo các công việc đã tham gia trực tiếp tại phòng		2	

### 3- Vòng công ty sản xuất dược phẩm (5 tuần)

13

Các công ty sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP (công ty cổ phần Dược Khoa, Traphaco, Mediplantex, IMC,...)

Sinh viên viết báo cáo với các nội dung chỉ tiêu thực tập (Phụ lục 3)

STT	Nội dung	Số giờ		Yêu cầu đối với sinh viên
		Thời lượng lý thuyết	Thời lượng thực tập	
<b>Phần 1: Quản trị, quản lý, kinh doanh, marketing và nghiên cứu phát triển sản phẩm</b>		<b>4</b>	<b>36</b>	

STT	Nội dung	Số giờ		Yêu cầu đối với sinh viên	
		Thời lượng lý thuyết	Thời lượng thực tập		
3	Tham gia Quy trình xuất nguyên liệu chính thuốc		2		
	Tham gia Quy trình xuất nguyên liệu chính TPCN		2		
	Tham gia Quy trình xuất nguyên liệu chính TTB Y tế, mỹ phẩm		2		
	Tham gia Quy trình xuất các bao bì, vật tư phụ		2		
4	Tham gia Vệ sinh, chống muỗi mọt, côn trùng, động vật gây hại		4		
	Lập và ghi chép thẻ lô, thẻ kho, sổ theo dõi hàng hóa		4		
5	Lập và ghi chép sổ theo dõi điều kiện môi trường, điều kiện vệ sinh		4		
	Lập kế hoạch và lệnh sản xuất		4		
<b>Phần 3: Xưởng sản xuất</b>		<b>0</b>	<b>40</b>		
1	Vệ sinh cá nhân, thay trang phục		2		So sánh thực tế tại cơ sở với lý thuyết, TLTK
	Vệ sinh nhà xưởng, thiết bị		2		
2	Tiệt trùng nhà xưởng, thiết bị		4		
	Cân, xay nguyên liệu		4		
3	Tạo hạt, sấy		4		
	Đập viên, đóng nang, đóng cốm, đóng trà		4		
4	Ép vỉ, đóng lọ		4		
	Pha chế siro thuốc	15	4		
5	Chuẩn bị nguyên liệu và pha chế mỹ phẩm		4		
6	Đóng chai mỹ phẩm		4		
	Vệ sinh và tiệt trùng xưởng mỹ phẩm		4		
<b>Phần 4: Cơ điện và xưởng hoàn thiện</b>		<b>0</b>	<b>40</b>		
1	Giới thiệu, khảo sát các xưởng sản xuất		8	So sánh thực tế tại cơ sở với lý thuyết,	
	Quan sát Hệ thống điều hòa không khí, nước cấp, nước thải, khí nén, PCCC		8		
2	In date và dán nhãn		8		
3	Dựng hộp, đóng hộp		8		
4	Đóng kiện, ghi phiếu đóng gói		4		

- Quan sát việc dự trữ thuốc và các sản phẩm khác tại nhà thuốc, thẻ xuất nhập thuốc và hàng hóa khác
- Khảo sát, quan sát và tìm hiểu các nguồn mua thuốc và các sản phẩm khác
- Quan sát cách ghi chép sổ sách theo dõi xuất nhập thuốc và các sản phẩm khác tại nhà thuốc
- Kiến tập việc kết nối mạng quản lý chung của hệ thống nhà thuốc toàn quốc
- Vệ sinh nội vụ nhà thuốc

### **1.3. Hiểu biết, thái độ và kỹ năng thực hành khi tiếp xúc với khách hàng**

#### **1.3.1. Hiểu biết về người bệnh của nhân viên bán thuốc;**

- Tâm lý khách hàng; tâm lý người bệnh
- Tâm lý của từng đối tượng người bệnh: bệnh nặng, người mua hộ, trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ...
- Đặc điểm dịch tễ người bệnh: tuổi, giới, nghề nghiệp, văn hóa, dân tộc...
- Hiểu biết cấu tạo thông tin của một thuốc; một đơn vị nhỏ nhất; các thông tin trên hộp thuốc (chữ viết và hình ảnh), trên tờ hướng dẫn sử dụng, các thông tin về dạng bào chế và quy cách đóng gói

#### **1.3.2. Thái độ, mức độ trách nhiệm của nhân viên bán thuốc**

- Vui vẻ, niềm nở; biết lắng nghe, chia sẻ với người bệnh và khách hàng
- Kiên quyết, dứt khoát khi bán thuốc

#### **1.3.3. Kỹ năng**

- Trực tiếp tham gia giao tiếp và bán thuốc và tư vấn thuốc kê đơn, thuốc dạng quản lý đặc biệt, những hàng hóa không được phép bán

Mỗi sinh viên phải báo cáo ít nhất 10 trường hợp giao tiếp và bán kháng sinh, 10 trường hợp giao tiếp và bán thuốc giảm đau - hạ sốt - chống viêm không steroide

Quan sát việc bán thuốc loại nào hay mắc lỗi (như bán theo đơn<sup>17</sup> nhưng không có đơn thuốc vẫn bán, bán theo nhầm lẫn về tên, chủng loại; tự ý thay thuốc không báo cho người mua...).

- Quan sát giao tiếp bán thuốc và tư vấn thuốc không kê đơn; những lời khuyên của nhân viên bán thuốc bởi người mua thuốc
- Quan sát giao tiếp với các đối tượng khách hàng (phụ nữ, người bệnh, người mua hộ, người cao tuổi, trẻ em, người mắc bệnh nặng...)
- Thực hành được các bước bán hàng tại nhà thuốc (Vui vẻ tiếp đón, thái độ lịch sự, tiếp đón lắng nghe đồng cảm, trao đổi thông tin, phân tích tình huống, nhận đơn thuốc hoặc giải thích thông tin cung cấp thuốc – hàng hóa, ra đơn thuốc, hướng dẫn tư vấn sử dụng thuốc và hàng hóa, lưu lại đơn thuốc theo quy định, ghi hướng dẫn sử dụng

## **2.2. Thông tin dược sĩ thu nhận được từ người bệnh**

Các phương pháp thu thập thông tin

- Các yếu tố/vấn đề mà dược sĩ nhà thuốc cần cân nhắc trước khi đưa ra lời khuyên

## **2.3. Dược sĩ tư vấn dùng thuốc:**

Nội dung hợp lý dựa vào các khuyến cáo và bằng chứng khoa học (từ tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trên bao bì thuốc, các sách chuyên khoa...), cách thức đưa ra lời khuyên hợp lý.

- Khuyên về chế độ ăn uống
- Khuyên về chế độ sinh hoạt, lao động
- Khuyên về tinh thần, tâm lý
- Khuyên về cách sử dụng thuốc, thái độ sử dụng thuốc và trách nhiệm với bản thân của người bệnh

## **2.4. Dược sĩ lựa chọn và cung cấp thuốc hợp lý cho người bệnh**

Dựa trên các kiến thức nền tảng về dược lý, điều trị, quy cách đóng gói và bào chế, dược sĩ có thể đưa ra những chọn lựa điều trị hợp lý căn cứ theo nhu cầu của cá nhân người bệnh, cũng như dựa vào các đặc điểm của thuốc liên quan.

Bên cạnh tính hiệu quả của các thành phần hoạt tính trong chế phẩm thuốc, dược sĩ sẽ còn cần phải cân nhắc về các tương tác có khả năng, các thận trọng, chống chỉ định và thông tin về tác dụng không mong muốn của từng thành phần.

Qua việc trao đổi thân thiện với người bệnh, dược sĩ có thể đưa ra lời khuyên dùng thuốc phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện kinh tế của người bệnh.

Mỗi báo cáo trình bày ít nhất 5 khách hàng mua thuốc về nội dung này.

## **2.5. Theo dõi quá trình dùng thuốc**

Giúp quản lý các bệnh mạn tính kéo dài. Lúc này, việc theo dõi tiến trình điều trị là quan trọng và các cuộc trao đổi với người bệnh sẽ được thực hiện nhiều lần vào những thời điểm khác nhau thay vì chỉ trao đổi một lần.

Lưu đơn người bệnh, hoặc vào sổ tên người mua

Nhất là thuốc kê đơn, nên đưa cavisid của nhà thuốc để dễ liên lạc tư vấn chăm sóc dược (Sinh viên quan sát xem nhà thuốc có thực hiện chăm sóc dược ở mức độ nào và trình bày trong báo cáo)

## **2.6. Giới thiệu người bệnh đi khám bác sĩ**

Đa số triệu chứng được xử trí bởi dược sĩ nhà thuốc thường nhẹ, tiến triển có giới hạn và sẽ khỏi sau vài ngày. Tuy nhiên, đôi khi có những người bệnh nặng và dược sĩ có trách nhiệm đảm bảo người bệnh biết cần làm gì nếu không thấy khỏe hơn. Dược sĩ

## PHỤ LỤC 2

### CHỈ TIÊU THỰC HÀNH – VÒNG KHOA DƯỢC BỆNH VIỆN

#### **1. Phần 1: Quản lý dược**

##### ***Bài 1: Khảo sát tổng quan về hoạt động của khoa dược bệnh viện***

- 1.1. Tập hợp các văn bản pháp luật liên quan tới quản lý dược bệnh viện
- 1.2. Mô hình tổ chức khoa dược (mô hình tổ chức, cơ cấu nguồn nhân lực mỗi bộ phận trong khoa: Số người, trình độ...)
- 1.3. Môi quan hệ giữa khoa dược bệnh viện với các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, các phòng chức năng (phòng kế hoạch tổng hợp, phòng tài chính kế toán, phòng điện máy, phòng trang thiết bị và công trình y tế....)
- 1.4. Môi quan hệ khoa dược bệnh viện với sở y tế (các phòng ban thuộc sở y tế), trung tâm kiểm nghiệm...
- 1.5. Sinh hoạt chuyên môn của khoa, tổ.... (giao ban, họp..), chế độ giao ban khoa và tham gia giao ban bệnh viện, các hội đồng khác của bệnh viện

##### ***Bài 2: Khảo sát về xây dựng kế hoạch và lưu trữ dữ liệu về thuốc của khoa dược bệnh viện***

- 2.1. Các sổ sách và trung tâm lưu trữ số liệu của khoa dược
- 3.2. Xây dựng kế hoạch lưu trữ thuốc và cập nhật thông tin về thuốc
- 2.3. Cơ sở thuốc tại tủ trực của Khoa dược và các khoa lâm sàng
- 2.4. Tham gia nghiên cứu khoa học của Khoa dược
- 2.5. Kế hoạch báo cáo định kỳ theo, tháng quý, năm
- 2.6. Kế hoạch kiểm kê kho thuốc (kho chính, kho lẻ...)

##### ***Bài 3: Quan sát và kiến tập các quy trình hoạt động của khoa dược***

- 3.1. Quy trình lựa chọn thuốc; đấu thầu thuốc và trường hợp<sup>21</sup> mua thuốc không phải đấu thầu; giá thuốc (hồ sơ, phương pháp, nội dung, những thay đổi cách thức đấu thầu giữa các năm...).
- 3.2. Quy trình dự trữ thuốc kiểm soát đặc biệt (thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chữa ung thư, thuốc phóng xạ); Biện pháp xử lý thu hồi, tiêu hủy thuốc quá hạn, vỡ thuốc, bao bì các thuốc kiểm soát đặc biệt (gây nghiện, hướng tâm thần, phóng xạ, thuốc chữa ung thư..)
- 3.3. Quy trình tồn trữ thuốc, sắp xếp thuốc và hàng hóa trong kho đạt GSP, cách sắp xếp theo dạng bảo chế, quy cách đóng gói, theo cách quản lý; tiêu chuẩn của kho thuốc.... đảm bảo dễ thấy, dễ lấy, tiện lợi, một chiều, tránh nhầm lẫn và lưu ý hạn dùng của thuốc, theo dõi chất lượng thuốc



Chú ý: Theo Hướng dẫn điều trị của Bộ y tế và quan sát thực hành điều trị thực tiễn tại cơ sở

Các bước gồm:

- Phân tích việc lựa chọn thuốc

✓ Thuốc được lựa chọn có phù hợp với các “vấn đề” của người bệnh không (chỉ rõ thuốc nào dùng để giải quyết vấn đề cụ thể nào, có hiện tượng thừa hoặc thiếu thuốc không).

✓ Thuốc lựa chọn có phù hợp với hướng dẫn điều trị/tài liệu chuẩn hay không. Khi phân tích cần nêu rõ tên và nội dung của hướng dẫn điều trị.

- Phân tích liều lượng, cách dùng

✓ Liều lượng: Phân tích liều một lần, số lần dùng trong ngày.

✓ Cách dùng: Phân tích đường dùng, thời điểm uống thuốc, cách pha thuốc, tốc độ truyền...

- Phân tích tương tác thuốc: Phân tích số tương tác bất lợi, mức độ nặng của tương tác, hậu quả của tương tác, cách khắc phục (nếu cần).

- Phân tích về dặn dò của bác sĩ

Phân tích sự dặn dò của bác sĩ có phù hợp với chế độ điều trị và sinh hoạt của người bệnh không (Lưu ý chế độ chăm sóc của người bệnh dựa theo hướng dẫn điều trị trên từng loại bệnh của người bệnh).

9. Thực hành phân tích bệnh án tại các khoa điều trị của bệnh viện theo quy trình SOAP. Các bước gồm:

### QUY TRÌNH S.O.A.P

S	Subjective data	Thông tin chủ quan
O	Objective data	Bằng chứng khách quan
A	Assessment	Đánh giá tình trạng người bệnh
P	Plan	Kế hoạch điều trị

1. S: Thông tin chủ quan:

- Triệu chứng người bệnh mô tả, cảm thấy.
- Tiền sử gia đình, tiền sử bệnh, dị ứng, thói quen... do người bệnh hoặc thân nhân người bệnh khai.

2. O: Bằng chứng khách quan

- Kết quả thăm khám lâm sàng.
- Kết quả xét nghiệm lâm sàng.

- 2.1. Tổng quan về các dạng thuốc, quy cách đóng gói được pha chế, sản xuất. Sự cần thiết, phù hợp của các thuốc được pha chế với hoạt động của bệnh viện.
- 2.2. Khảo sát vai trò của các thành phần trong công thức bào chế. Quy trình pha chế, sản xuất các dạng thuốc tại khoa dược bệnh viện
- 2.3. Khảo sát quy trình kiểm nghiệm, bảo quản thuốc sau khi pha chế.

### ***Bài 3. Thực hành pha chế thuốc tại khoa dược bệnh viện***

- 3.1. Thực hành hoặc khảo sát các quy trình thao tác chuẩn (SOP) được xây dựng tại tổ pha chế
- 3.2. Thực hiện pha chế hoàn chỉnh một số dạng thuốc thường dùng tại khoa dược bệnh viện

### ***Bài 4: Quan sát và thiết lập danh mục các vị thuốc YHCT; danh mục chế phẩm (tự sản xuất, nhập ngoài)***

- Danh mục các vị thuốc YHCT được sử dụng tại Bệnh viện
- Nhận thức được các vị thuốc YHCT đang có tại khoa
- Sắp xếp danh mục các vị thuốc đó theo một trong các tiêu chí: tần suất sử dụng, tác dụng, nguồn gốc, dạng bào chế.

### ***Bài 5. Kiến tập và tham gia ít nhất một công đoạn của chế biến sản xuất vị thuốc/ sản phẩm tại bệnh viện***

- Khảo sát và lập danh mục các chế phẩm thuốc YHCT được sử dụng tại Bệnh viện, sản xuất tại bệnh viện
- Khảo sát được thành phần chính trong mỗi chế phẩm
- Quy trình chế biến các vị thuốc YHCT được sử dụng tại Bệnh viện
- Tham gia ít nhất 01 công đoạn/ quy trình sản xuất chế phẩm thuốc YHCT tại Bệnh viện (mô tả đầy đủ các giai đoạn, tiêu chuẩn nguyên liệu, tiêu chuẩn bán thành phẩm, thành phẩm, các phương pháp sử dụng trong sản xuất và kiểm nghiệm, công dụng, tác dụng của chế phẩm, đánh giá quy trình).

25

### ***Bài 6: Kiến tập một số nội dung về QA/QC tại bệnh viện***

- Khai thác tài liệu chung về QA/QC
- Quan sát tài liệu trong các quy trình kiểm soát trong quá trình sản xuất

### ***Bài 7: Tham gia và báo cáo các công việc đã tham gia trực tiếp tại phòng***

Cho Nhận xét và bàn luận về việc thực hiện các quy định QA/QC.

2. Quan sát, tìm hiểu chức năng và nhiệm vụ của nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP

3. Quan sát các quy định và nội quy trong nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP tại từng bộ phận và từng khu vực riêng biệt

4. Xem hồ sơ các nguyên tắc cơ bản của GMP, GLP, GSP tại doanh nghiệp

5. Xem hồ sơ, cách thức đăng ký thuốc, thuốc mới và nghiên cứu phát triển sản phẩm tại doanh nghiệp

***Bài 2: Quan sát bộ phận Kho trong nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP.***

1. Quan sát khu vực kho bảo quản, điều kiện bảo quản, hệ thống hồ sơ, tài liệu GSP

2. Quan sát, tham quan các SOP tại kho

3. Khảo sát quy trình Vệ sinh, chống mối mọt, côn trùng, động vật gây hại

4. Thực hành cách lập và ghi chép thẻ lô, thẻ kho, sổ theo dõi hàng hóa, lập và ghi chép sổ theo dõi điều kiện môi trường, điều kiện vệ sinh, lập kế hoạch và lệnh sản xuất

***Bài 3. Khảo sát bộ phận Xưởng sản xuất trong nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP.***

1. Khảo sát mô hình tổ chức tại xưởng sản xuất

2. Khảo sát một số hệ thống phụ trợ: hệ thống điều hòa không khí, nước cấp, nước thải, khí nén, PCCC

3. Khảo sát các SOP tại xưởng sản xuất

4. Quan sát quy trình vệ sinh cá nhân, vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

***Bài 4: Thực hành sản xuất một số dạng thuốc***

1. Thực hành sản xuất viên nang

2. Thực hành sản xuất siro

27

3. Thực hành sản xuất thuốc cốt

4. Thực hành sản xuất chè thuốc

***Bài 5. Thực hành sản xuất mỹ phẩm hoặc thực phẩm bảo vệ sức khỏe***

1. Chuẩn bị nguyên liệu

2. Pha chế

3. Đóng gói

4. Xuất xưởng

***Bài 6. Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP***

Phân tích, bàn luận về các quy trình sau:

- 2.1. Quy trình lập và thực hiện lệnh sản xuất/pha chế
- 2.2. Quy trình tiếp nhận, bảo quản, xuất nguyên liệu ban đầu, bao bì, thành phẩm
- 2.3. Quy trình kiểm tra tình trạng phòng và thiết bị trước khi sản xuất/pha chế
- 2.4. Quy trình theo dõi điều kiện môi trường
- 2.4. Quy trình kiểm tra chất lượng bán thành phẩm
- 2.5. Quy trình tiếp nhận, bảo quản, xuất nguyên liệu ban đầu, bao bì, thành phẩm
- 2.6. Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm
- 2.7. Quy trình kiểm tra bao bì thành phẩm
- 2.8. Quy định dán nhãn

***Bài 3: Tham gia và báo cáo các công việc đã tham gia trực tiếp tại phòng***

***Bài 4: Nhận xét và bàn luận về việc thực hiện các quy định QA/QC.***

**BỘ Y TẾ**  
**HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**



**NHẬT KÍ THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP**

**TẠI NHÀ THUỐC**

**Giảng viên hướng dẫn: .....**

**Sinh viên: .....**

**Mã sinh viên: .....**

**Nhóm:.....**

**Tên nhà thuốc:.....31.....**

**Địa chỉ: .....**

**Nhận xét của giảng viên hướng dẫn**

.....

.....

.....

.....

**Điểm**

*Ngày ... tháng..... năm.....  
Giảng viên hướng dẫn*

**PHỤ LỤC 5**  
**Mẫu báo cáo thực tập**

**BỘ Y TẾ**  
**HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP**

**TẠI KHOA DƯỢC BỆNH VIỆN**

**Giảng viên hướng dẫn: .....**

**Sinh viên: .....**

**Mã sinh viên: .....**

**Nhóm: ..... 35**

**Địa điểm: Bệnh viện .....**

**Địa chỉ: .....**

**HÀ NỘI – 20.....**

**BỘ Y TẾ**  
**HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP**

**TẠI DOANH NGHIỆP DƯỢC**

**Giảng viên hướng dẫn: .....**

**Sinh viên: .....**

**Mã sinh viên: ..... 37 .....**

**Nhóm:.....**

**Tên doanh nghiệp: .....**

**Địa chỉ: .....**

**HÀ NỘI – 20....**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN  
CHUYÊN MÔN TỔNG HỢP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun: CHUYÊN MÔN TỔNG HỢP
- \* Tiếng Việt: CHUYÊN MÔN TỔNG HỢP
- \* Tiếng Anh: General Expertise
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5135
- Số tín chỉ: 10
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ II năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên đã học các học phần trong chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học hệ chính quy.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 44 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: 106 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Khoa Dược.

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Văn Quân	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com

2 Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của Chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Kiến thức</b>			
	và an toàn trong thực hành nghề nghiệp; Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng; Có tinh thần cầu tiến, học hỏi, luôn tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.	[CĐR 11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
<b>Kiến thức</b>	
MT1. Vận dụng kiến thức chuyên môn về dược và quản lý dược, kết hợp kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở để nhận biết, giải thích, giải quyết các vấn đề trong hoạt động chuyên môn của các lĩnh vực dược và các nhu cầu của xã hội về dược.	<b>CLO1.</b> Vận dụng kiến thức đại cương về bệnh, về nhóm thuốc, về y học cơ sở và y học cơ bản, quản lý dược để giải quyết các vấn đề liên quan tới các lĩnh vực dược
	<b>CLO2.</b> Vận dụng được kiến thức về thuốc hóa dược liên quan đến tên dược chất, nguồn gốc, công thức cấu tạo, tính chất, dược lý, dược động học, kiểm nghiệm, bào chế, sản xuất, nguyên tắc sử dụng trên lâm sàng, pháp chế dược, cung ứng và kinh doanh dược;
	<b>CLO3.</b> Vận dụng được kiến thức về thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền liên quan đến: Tên la tinh, nguồn gốc, phân bố, bộ phận dùng, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, phương pháp chế biến, công dụng, cách dùng, liều dùng, kiêng kỵ, bảo quản, pháp chế dược, cung ứng và kinh doanh dược
<b>Kỹ năng</b>	

**6. Mô tả học phần/ mô đun** (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần trang bị những kiến thức trong các lĩnh vực về chuyên ngành dược: Hóa dược, dược lý, dược động học, dược lâm sàng, sử dụng thuốc trong điều trị, thuốc cổ truyền và dược liệu, bào chế sản xuất thuốc, kiểm nghiệm thuốc, các văn bản quy phạm pháp luật về dược và kinh doanh thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm. Cụ thể được trình bày trong phụ lục:

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên: Tham khảo các tài liệu học tập
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
<p><b>Chương 1: Hóa dược</b></p> <p>1. Vận dụng trong phân tích ảnh hưởng của nhóm chức đến tính chất vật lý</p> <p>2. Vận dụng trong phân tích ảnh hưởng của nhóm chức đến tính chất hóa học</p> <p>3. Ứng dụng trong phân tích vai trò của nhóm chức đến phương pháp kiểm nghiệm nguyên liệu thuốc.</p> <p>4. Thảo luận</p>	4	0	0	4	11	[1], [2], [26], [27]
<p><b>Chương 2: Dược lý</b></p> <p>1. Vận dụng các đặc điểm dược động học của thuốc trong sử dụng các thuốc và nhóm thuốc hợp lý, an toàn.</p> <p>2. Sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị bệnh các bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường hô hấp;</li> <li>- Đường tiêu hóa;</li> <li>- Lao;</li> <li>- Tăng huyết áp.</li> </ul> <p>3. Thảo luận : (trực tuyến)</p>	4	0	0	4	11	[3], [4], [28], [29], [30], [31], [32], [33], [34], [35]
<p><b>Chương 3: Dược lâm sàng</b></p> <p>1. Vận dụng các thông số dược động học của thuốc trong điều trị</p> <p>2. Vận dụng các kiến thức dược lâm sàng trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng thuốc trên bệnh nhân</li> <li>- Phát hiện và xử trí ADR</li> <li>- Phát hiện và xử trí tương tác</li> </ul>	4	0	0	4	26	[5], [6], [7], [8], [9], [28], [29], [33], [34], [35]

2. Bộ Y tế (2014). Hóa dược tập 2, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2016), *Dược lý học*, Tập 1, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2016), *Dược lý học*, Tập 2, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Bộ môn Dược Lâm Sàng – Trường Đại học Dược Hà Nội (2007), *Dược lâm sàng và điều trị*, NXB Y học, Hà Nội.
6. Bộ Y tế (2015), *Chăm sóc dược*, NXB Y học, Hà Nội.
7. Bộ Y tế (2011), *Dược động học*, NXB Y học, Hà Nội.
8. Bộ Y tế (2009), *Dược lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.
9. Hoàng Thị Kim Huyền và J.R.B.J Brouwers (2014), *Dược lâm sàng – Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội.
10. Lê Đình Bích, Trần Văn Ôn (2017) – *Thực vật học*, NXB Y học, Hà Nội.
11. Ngô Vân Thu, Trần Hùng (2011) – *Dược liệu học – Tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.
12. Phạm Thanh Kỳ (2007) – *Dược liệu học – Tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
13. Phạm Xuân Sinh (2014) – *Dược học cổ truyền*, NXB Y học, Hà Nội.
14. Bộ Y tế (2018) – *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học, Hà Nội.
15. Bộ Y tế (2004), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc – Tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.
16. Bộ Y tế (2004), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc – Tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
17. Trường Đại học dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm – Tập 1*, Nhà Xuất Bản Y Học, Hà Nội.
18. Trường Đại học dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm – Tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
19. Trường Đại học dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm – Tập 3*, NXB Y học, Hà Nội.
20. Bộ Y tế (2007), *Quản lý và kinh tế dược*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
21. Bộ Y tế (2010), *Pháp chế dược 1*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

Và Các văn bản quản lý nhà nước liên quan trực tiếp tới hoạt động của cơ sở đến thực tập nghề nghiệp (văn bản pháp lý pháp luật hiện hành, văn bản chuyên môn)

22. Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2020), *Pháp chế dược 2*. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.
23. Trường đại học Dược Hà Nội (2012), *Thực hành tốt nhà thuốc*, NXB Y học.
24. PGS.TS. Trần Tử An (2005) – *Kiểm nghiệm dược phẩm (Sách dùng đào tạo dược sĩ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội.

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 8 trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 22 đến CDR 25 trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 8 và CDR22 – CDR 25 trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 22 đến CDR 25 trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Dạy trực tuyến

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp:

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Tham gia thi kết thúc học phần.

## PHỤ LỤC

### NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN TỔNG HỢC

(Kèm theo đề cương chi tiết học phần chuyên môn tổng hợp ban hành theo Quyết định số ..... ngày ... tháng ... năm ..... của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

**1. Đại cương về bệnh (liên quan tới nhóm thuốc), nguyên tắc và phác đồ điều trị.**

**2. Các thuốc có nguồn gốc hóa dược**

**2.1. Đại cương về nhóm thuốc**

Đặc điểm về cấu trúc của nhóm thuốc, phân loại, dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng chung của cả nhóm (nếu có), tác dụng không mong muốn, chỉ định điều trị.

**2.2. Các thuốc cụ thể**

Tên quốc tế, tên khác (nếu có), nguồn gốc, liên quan giữa cấu trúc hóa học và tác dụng dược lý (nếu có), tính chất, dược lý, dược động học (nếu có), kiểm nghiệm, bào chế (phân tích vai trò các thành phần trong công thức, trình bày được quy trình bào chế, sản xuất các dạng thuốc), bảo quản, sử dụng các thuốc cụ thể (chỉ định, chống chỉ định, tương tác thuốc, tác dụng không mong muốn, chăm sóc dược, sử dụng trên lâm sàng).

STT	Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể
1	Thuốc điều trị lao	Isoniazid (INH)
2	Thuốc giảm đau hạ sốt	Aspirin (Acid acetyl salicylic) Paracetamol (Acetaminophen)
3	Thuốc giảm đau gây nghiện	Morphin
4	Thuốc lợi tiểu	Furosemid
5	Thuốc điều trị tăng huyết áp	Captopril Nifedipin
6	Thuốc chống viêm không steroid	Diclofenac
7	Thuốc kháng histamine (chẹn thụ thể H1)	Clopheniramin
8	Thuốc an thần, gây ngủ	Phenobarbital
9	Thuốc chống nấm	Amphotericin B
10	Thuốc phòng và điều trị sốt rét	Quinin Artemisinin và dẫn chất
11	Thuốc chữa giun sán	Albendazol
12	Các vitamin	Vitamin B1 (Thiamin) Vitamin B6 (Pyridoxin) Vitamin C (Acid ascorbic) Vitamin A (Retinol)

STT	Dược liệu	STT	Dược liệu
8	Đại hồi	26	Nhân sâm (gồm Nhân sâm Việt Nam)
9	Dừa cạn (lá + rễ)	27	Ô đầu - Phụ tử
10	Gừng	28	Rau má
11	Hà thủ ô đỏ	29	Sả (gồm các dược liệu chi <i>Cymbopogon</i> )
12	Hoàng bá	30	Sài đất
13	Hoàng liên (gồm các dược liệu chứa berberin)	31	Sắn dây
14	Hòe	32	Thanh cao hoa vàng
15	Hồng hoa	33	Thuốc phiện
16	Hương nhu tía	34	Tràm
17	Hương nhu trắng	35	Trúc đào
18	Kim ngân (hoa, thân cành)	36	Vàng đắng

(36 thuốc có nguồn gốc dược liệu và vị thuốc)

#### 4. Pháp chế dược, quản lý và kinh tế dược

Các hoạt động về dược liên quan tới thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm (quản trị dược, hành nghề, kinh doanh, thông tin, bảo quản, các GPs..., sử dụng thuốc).

#### 5. Đảm bảo chất lượng của thuốc và nguyên liệu làm thuốc

Hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng thuốc của VN; Công tác đảm bảo chất lượng thuốc (GPs); Công tác kiểm nghiệm và công tác tiêu chuẩn của thuốc và nguyên liệu làm thuốc; Phân tích, kiểm nghiệm thuốc và nguyên liệu làm thuốc theo Dược điển Việt Nam hiện hành.





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN**  
**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 /QĐ-HVYDCT ngày 29 tháng 6 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
- \* Tiếng Việt: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
- \* Tiếng Anh: GRADUATION THESIS
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5136
- Số tín chỉ: 10 (0; 600;0)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ II năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp theo quy định sau khi học hết 8 kỳ liên tiếp.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 600 tiết
  - + Lý thuyết: 0 tiết
  - + Bài tập: tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 600 tiết
  - + Kiểm tra: tiết
  - + Thời gian tự học: tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Khoa Dược.

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Giảng viên	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Phụ trách chính	TS Nguyễn Văn Quân	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	Tham gia giảng dạy	GV đủ điều kiện hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp		





Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<b>Kiến thức</b>	
<p><b>MT1:</b> Bổ sung, củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu về một/một số vấn đề thuộc lĩnh vực được; xác định được một vấn đề cần nghiên cứu dựa trên cơ sở các nghiên cứu trước đã có hoặc yêu cầu của thực tiễn và đề xuất được các khái niệm, lý thuyết khoa học phù hợp với chuyên ngành được</p>	<p><b>CLO1.</b> Khám phá các hiện tượng thuộc chuyên ngành được mà các hiện tượng này đòi hỏi phải được giải thích thông qua một quá trình có các bước thu thập và phân tích dữ liệu mang lại khả năng diễn giải hiện tượng đó và làm giàu thêm tri thức khoa học chuyên ngành</p> <p><b>CLO 2:</b> Thiết lập được câu hỏi nghiên cứu và tên đề tài của khóa luận từ hiện tượng thuộc chuyên ngành được đã khám phá được; Thiết lập được câu hỏi nghiên cứu và tên đề tài của khóa luận từ hiện tượng thuộc chuyên ngành kinh doanh thương mại đã khám phá được</p>
<b>Kỹ năng</b>	
<p><b>MT2:</b> Rèn luyện kỹ năng phân tích và kết hợp được các phương pháp nghiên cứu phù hợp để giải quyết vấn đề cần nghiên cứu.</p>	<p><b>CLO3:</b> Tổng hợp được các công trình nghiên cứu trước, các lý thuyết khoa học có liên quan, thực tiễn của hiện tượng cần nghiên cứu để đề xuất, trình bày rõ các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu cũng như mối quan hệ giữa chúng</p> <p><b>CLO4.</b> Thiết kế và triển khai thực hiện quy trình thu thập có hệ thống các dữ liệu cần thiết, phân tích và thảo luận dựa trên các dữ liệu đó nhằm diễn giải rõ ràng mối quan hệ giữa các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu; xây dựng và đề xuất các kết luận khoa học dựa trên những khám phá về mối quan hệ giữa các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu</p> <p><b>CLO5:</b> Thực hành kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ tốt trong quá trình thực hiện nghiên cứu; Thực hành kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình cộng tác nhóm để tìm hiểu tài liệu và thực hiện công việc nghiên cứu.</p>
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<p><b>MT3:</b> Tạo lập ý thức tôn trọng tinh thần phản biện khoa học và trách nhiệm đóng góp tri thức khoa học cùng kiến nghị thực tiễn cho chuyên ngành được.</p>	<p><b>CLO6.</b> Tự tin, khách quan đề xuất câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu dựa trên khám phá về mối quan hệ giữa các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu, rèn luyện ý thức tự học, tự nghiên cứu, phát triển và vận dụng các kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại một cách sáng tạo và linh hoạt</p>

TT	Nội dung thực hiện	Chuẩn đầu ra học phần							
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
	2.4. Đặc điểm mẫu dữ liệu nghiên cứu					3	2	2	2
	2.5. Phân tích, đánh giá, kiểm định thang đo các khái niệm nghiên cứu					2	2	2	2
	2.6. Phân tích, đánh giá, kiểm định mô hình và giả thuyết nghiên cứu					2	2	2	2
6	<b>Phần 3: Hướng dẫn thực hiện “ Chương 3 và 4: Kết quả nghiên cứu, bàn luận về kết quả nghiên cứu và kết luận”</b>								
	3.1 Kết quả nghiên cứu						2	3	3
	3.2. Những hàm ý của kết quả nghiên cứu						2	3	3
	3.3. Các đề nghị						3	3	3
	3.4. Các hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo						2	3	3
7	<b>Phần 4: Hướng dẫn hoàn thành và đánh giá khóa luận tốt nghiệp</b>								
	4.1. Hướng dẫn thực hiện thủ tục hoàn thành và nộp khóa luận tốt nghiệp	3	3	2	2	2	3	3	3
	4.2. Thực hiện các quy định về đánh giá khóa luận tốt nghiệp	3	2	2	2	2	3	3	3

**6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành được. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

**8. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

TT	Nội dung	Thời gian thực hành (giờ)				Yêu cầu đối với sinh viên
		Tổng số	Ban đầu	Thường xuyên	Kết thúc	

TT	Nội dung	Thời gian thực hành (giờ)				Yêu cầu đối với sinh viên
		Tổng số	Ban đầu	Thường xuyên	Kết thúc	
	2.4. Các vấn đề thực tiễn liên quan tới đề tài	14	3	8	3	
	2.5. Địa điểm nghiên cứu	6	1	4	1	
3	<b>Phần 2: Hướng dẫn thực hiện “Chương 2: Phương pháp nghiên cứu của đề tài” và phân tích dữ liệu</b>	<b>100</b>	<b>23</b>	<b>53</b>	<b>24</b>	Sinh viên tự học, nghiên cứu 116 giờ
	<i>Phương pháp nghiên cứu của đề tài”</i>	<b>60</b>	<b>14</b>	<b>32</b>	<b>14</b>	
	1.3. Giới thiệu phương pháp và phạm vi nghiên cứu của đề tài 1.3.1. <i>Phương pháp nghiên cứu</i> 1.3.2. <i>Phạm vi nghiên cứu</i>	<b>10</b>	1	8	1	
	3.1. Giới thiệu chung về phương pháp xử lý dữ liệu	15	4	7	4	
	3.2. Quy trình xây dựng thang đo, phương tiện thu thập dữ liệu	15	4	7	4	
	3.3. Thu thập dữ liệu	20	5	10	5	
5	<b>Phân tích dữ liệu”</b>	<b>40</b>	<b>9</b>	<b>21</b>	<b>10</b>	
	4.1. Đặc điểm mẫu dữ liệu nghiên cứu	5	1	3	1	
	4.2. Phân tích, đánh giá, kiểm định thang đo các khái niệm nghiên cứu	15	3	8	4	
	4.3. Phân tích, đánh giá, kiểm định mô hình và giả thuyết nghiên cứu	20	5	10	5	
6	<b>Phần 3: Hướng dẫn thực hiện “Chương 3: Kết quả nghiên cứu”</b>	<b>35</b>	<b>4</b>	<b>20</b>	<b>11</b>	Sinh viên tự học, nghiên cứu 40 giờ
	5.1. Kết quả nghiên cứu mục tiêu 1	18	2	10	6	
	5.2. Kết quả nghiên cứu mục tiêu 2	17	2	10	5	
7	<b>Phần 4: Hướng dẫn thực hiện “Chương 4: Bàn luận về kết quả nghiên cứu và kết luận”</b>	<b>20</b>	<b>3</b>	<b>13</b>	<b>4</b>	Sinh viên tự học, nghiên cứu 40 giờ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 8 trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 22 đến CĐR 25 trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 8 và CĐR22 – CĐR 25 trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 22 đến CĐR 25 trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

### 11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Theo thực trạng của địa điểm, trang thiết bị và điều kiện của cơ sở nghiên cứu đề tài khóa luận tốt nghiệp của sinh viên

### 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên phải chủ động trong nghiên cứu khoa học, xây dựng đề cương khóa luận tốt nghiệp

- Thực hiện nội dung khóa luận tốt nghiệp theo đúng kế hoạch

- Thường xuyên tương tác với cán bộ hướng dẫn để xử lý các tình huống

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá (*)	CĐR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần (bảo vệ khóa luận)</b>			
	Hình thức	15%		
	Nội dung	65%		